

Số: 130/QĐ-EVN

Hà Nội, ngày 31 tháng 7 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Đề án sắp xếp, tái cơ cấu Tổng công ty Điện lực miền Bắc  
giai đoạn 2017 - 2020**

**HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM**

Căn cứ Nghị định số 205/2013/NĐ-CP ngày 06/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Điện lực Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 852/QĐ-TTg ngày 14/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án tổng thể sắp xếp, tái cơ cấu doanh nghiệp thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam giai đoạn 2017-2020;

Căn cứ Nghị quyết số 197/NQ-HĐTV ngày 29/6/2017 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Điện lực Việt Nam về thông qua Đề án sắp xếp, tái cơ cấu doanh nghiệp giai đoạn 2016-2020 của các Tổng công ty thuộc EVN;

Xét đề nghị của Tổng công ty Điện lực miền Bắc tại Công văn số 1540/EVNNPC-TC&NS ngày 19/4/2017 về Đề án sắp xếp, tái cơ cấu Tổng công ty Điện lực miền Bắc giai đoạn 2017 - 2020;

Theo đề nghị của Tổng giám đốc Tập đoàn Điện lực Việt Nam,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt “Đề án sắp xếp, tái cơ cấu Tổng công ty Điện lực miền Bắc giai đoạn 2017 - 2020” với các nội dung sau:

**I. MỤC TIÊU**

Xây dựng Tổng công ty Điện lực miền Bắc (EVNNPC) thành Tổng công ty mạnh, có trình độ công nghệ, quản lý hiện đại và chuyên môn hóa cao, nâng cao năng suất lao động, hoạt động hiệu quả, bền vững trong Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam; đảm bảo cung cấp điện an toàn, liên tục, ổn định cho các hoạt động kinh tế, chính trị, xã hội, an ninh, quốc phòng trên địa bàn hoạt động; tạo dựng thành công hình ảnh một doanh nghiệp có trách nhiệm với cộng đồng và xã hội, phục vụ khách hàng với chất lượng dịch vụ ngày một tốt hơn.

**II. NỘI DUNG**

1. Ngành, nghề kinh doanh:

a) Ngành, nghề kinh doanh chính:

- Sản xuất, phân phối và kinh doanh mua bán điện năng;
- Xuất nhập khẩu điện năng;



- Đầu tư phát triển lưới điện có tính chất phân phối; các dự án năng lượng mới, năng lượng tái tạo, các công trình thủy điện vừa và nhỏ;

- Quản lý vận hành, sản xuất, sửa chữa, bảo dưỡng, đại tu, cải tạo, nâng cấp thiết bị điện, cơ khí, điều khiển, tự động hoá thuộc các công trình lưới điện đến cấp điện áp 110kV và các công trình lưới điện 220kV có tính chất phân phối;

- Thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị điện; kiểm định an toàn kỹ thuật cho các thiết bị, dụng cụ điện.

<sup>1</sup> - Kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm, lắp đặt, kiểm tra: các loại thiết bị điện, phương tiện đo lường điện, dụng cụ đo lường điện, trang thiết bị điện, bảo vệ, điều khiển;

- Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực phục vụ cho quản lý, vận hành, sửa chữa lưới điện.

- Tư vấn quy hoạch điện lực; khảo sát, thiết kế; tư vấn quản lý dự án; tư vấn lập dự án đầu tư, tư vấn đấu thầu, lập dự toán và giám sát thi công các công trình đường dây và trạm biến áp, các công trình thủy điện vừa và nhỏ.

b) Ngành, nghề liên quan phục vụ trực tiếp ngành, nghề kinh doanh chính:

- Sản xuất, xuất nhập khẩu, kinh doanh vật tư, thiết bị ngành điện, thiết bị viễn thông-công nghệ thông tin;

- Xây lắp, giám sát lắp đặt thiết bị các công trình đường dây và trạm biến áp, thiết bị viễn thông-công nghệ thông tin;

- Tư vấn khảo sát, thiết kế; tư vấn quản lý dự án; tư vấn lập dự án đầu tư, tư vấn đấu thầu, lập dự toán và giám sát thi công các công trình viễn thông-công nghệ thông tin, các công trình công nghiệp và dân dụng;

- Tư vấn, thiết kế, lắp đặt, giám sát, cấu hình, kết nối mở rộng phần cứng và phần mềm của hệ thống SCADA/DMS, các hệ thống tự động hóa lưới điện, lưới điện thông minh. Tư vấn giải pháp công nghệ tiết kiệm năng lượng và tư vấn thực hiện các dự án tiết kiệm năng lượng;

- Hoạt động tự động hoá và điều khiển; Quản lý vận hành, xử lý sự cố, bảo trì bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế, nâng cấp hệ thống SCADA/DMS. Thu thập, xử lý, cung cấp thông tin từ hệ thống SCADA. Kết nối và trao đổi cơ sở dữ liệu với các hệ thống khai thác dữ liệu khác; Đào tạo về lĩnh vực SCADA/DMS, tự động hóa lưới điện, lưới điện thông minh, vận hành các trung tâm điều khiển xa.

- Kinh doanh các dịch vụ công nghệ thông tin: Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính; xuất bản phần mềm; hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính; công nghệ thông tin; thiết kế trang web; Đào tạo phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin và viễn thông chuyên ngành.

- Hoạt động của các cơ sở điều dưỡng;

- Dịch vụ vận tải phục vụ sản xuất kinh doanh; cho thuê xe có động cơ; cho thuê tài sản, cơ sở hạ tầng điện lực;

- Dịch vụ huấn luyện an toàn lao động.

- Bán buôn các thiết bị đun nước nóng dùng năng lượng mặt trời và các thiết bị tiết kiệm năng lượng điện khác.

- Lắp đặt thiết bị sử dụng năng lượng mặt trời (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);

- Dịch vụ chăm sóc khách hàng sử dụng điện; dịch vụ chăm sóc khách hàng trong các lĩnh vực khác; dịch vụ tư vấn về phát triển khách hàng sử dụng điện, đánh giá sự hài lòng của khách hàng; cung cấp thông tin về điện cho khách hàng; đào tạo về lĩnh vực chăm sóc khách hàng.

2. Kế hoạch sắp xếp, tái cơ cấu các đơn vị thành viên của EVNNPC giai đoạn 2017 - 2020

a) Công ty mẹ - EVNNPC tiếp tục là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) nắm giữ 100% vốn điều lệ.

b) Các đơn vị giữ nguyên tổ chức, cơ chế hoạt động và nằm trong cơ cấu Công ty mẹ - EVNNPC:

- Công ty Điện lực Bắc Cạn;
- Công ty Điện lực Bắc Giang;
- Công ty Điện lực Bắc Ninh;
- Công ty Điện lực Cao Bằng;
- Công ty Điện lực Điện Biên;
- Công ty Điện lực Hà Giang;
- Công ty Điện lực Hà Nam;
- Công ty Điện lực Hà Tĩnh;
- Công ty Điện lực Hòa Bình;
- Công ty Điện lực Hưng Yên;
- Công ty Điện lực Lai Châu;
- Công ty Điện lực Lạng Sơn;
- Công ty Điện lực Lào Cai;
- Công ty Điện lực Nam Định;
- Công ty Điện lực Nghệ An;
- Công ty Điện lực Phú Thọ;
- Công ty Điện lực Quảng Ninh;
- Công ty Điện lực Sơn La;
- Công ty Điện lực Thái Bình;
- Công ty Điện lực Thái Nguyên;
- Công ty Điện lực Thanh Hóa;
- Công ty Điện lực Tuyên Quang;
- Công ty Điện lực Vĩnh Phúc;
- Công ty Điện lực Yên Bái;
- Công ty Lưới điện cao thế miền Bắc;
- Ban Quản lý dự án Lưới điện;
- Ban Quản lý dự án Phát triển điện lực;

1/1/10

- Công ty Công nghệ Thông tin Điện lực miền Bắc;
- Trung tâm Chăm sóc khách hàng;
- Trường Cao đẳng Điện lực miền Bắc (đổi tên từ Trường Cao đẳng nghề điện theo Quyết định số 695/QĐ-LĐTBXH ngày 18/5/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội).

c) Doanh nghiệp do EVNNPC nắm giữ 100% vốn điều lệ:

- Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Điện lực Hải Phòng;
- Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Điện lực Hải Dương;
- Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Điện lực Ninh Bình;
- Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thí nghiệm điện miền Bắc;
- Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Tư vấn điện miền Bắc;
- Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Khách sạn-Du lịch và Dịch vụ thương mại Điện lực;

d) Doanh nghiệp do EVNNPC nắm giữ trên 50% vốn điều lệ:

Công ty trách nhiệm hữu hạn Đầu tư Điện lực Việt Trung;

đ) Doanh nghiệp do EVNNPC nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở xuống:

Cổ phần hóa Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thủy điện Sa Pa sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch cổ phần hóa.

e) EVNNPC thực hiện thoái toàn bộ vốn tại các doanh nghiệp theo các Nghị quyết số 75/NQ-HĐTV ngày 21/3/2017 và Nghị quyết số 346/NQ-HĐTV ngày 30/12/2016 của Hội đồng thành viên EVN, cụ thể như sau:

- Công ty cổ phần Đầu tư và phát triển điện miền Bắc 3.
- Công ty cổ phần Thiết bị điện miền Bắc.
- Công ty cổ phần Thủy điện Nậm Chiến.
- Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Bắc Minh.
- Công ty cổ phần Thủy điện Nậm Mỏ.
- Công ty cổ phần Thủy điện Nậm Đông 4.
- Công ty cổ phần Thủy điện Hồ Bốn.
- Công ty cổ phần Xây lắp điện lực 1.
- Công ty cổ phần Thủy điện Nậm Mức.
- Công ty cổ phần EVN Quốc tế (sau khi hoàn thành dự án Thủy điện Hạ Sê San 2).

g) Các sắp xếp khác:

- Thực hiện tách bạch về tổ chức và tách bạch về hạch toán khâu phân phối điện và kinh doanh bán lẻ điện cùng với cơ cấu tổ chức quản lý của EVNNPC theo phê duyệt của EVN.

- Thực hiện tách bạch tổ chức dịch vụ sửa chữa và quản lý vận hành lưới điện phân phối theo phê duyệt của EVN.

- Trước mắt, giữ nguyên mô hình tổ chức của các Công ty trong lĩnh vực tư vấn và thí nghiệm điện; nghiên cứu phương án chuyển chức năng nhiệm vụ của công tác dịch vụ sửa chữa vào thí nghiệm điện, báo cáo EVN.

3. Đẩy mạnh thực hiện tái cơ cấu về quản trị doanh nghiệp, tập trung vào các lĩnh vực như sau:

a) Cải cách hành chính, hoàn thiện thể chế quản lý; tập trung rà soát, hoàn thiện hệ thống quy chế quản lý nội bộ trong EVNNPC phù hợp với hệ thống quy chế quản lý nội bộ của EVN, Điều lệ tổ chức và hoạt động, Quy chế quản lý tài chính của EVNNPC và các quy định của pháp luật hiện hành; triển khai thực hiện kế hoạch phát triển doanh nghiệp điện tử và Văn phòng điện tử trong EVNNPC theo kế hoạch triển khai chung trong Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam;

b) Củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý, điều hành của Công ty mẹ-EVNNPC và các công ty con sau khi được EVN phê duyệt;

c) Duy trì tài chính lành mạnh, nâng cao năng lực quản trị tài chính kế toán; quản lý triệt để tài sản, nguồn vốn đảm bảo cân đối dòng tiền. Tăng cường thực hành tiết kiệm, quản lý chặt chẽ chi phí, nhất là chi phí gián tiếp, phân đầu hạ giá thành sản phẩm và minh bạch chi phí đầu vào; đảm bảo hoàn thành toàn bộ các chỉ tiêu về hiệu quả kinh doanh, tài chính, kỹ thuật, năng suất lao động, tiết kiệm và chống lãng phí đã được EVN phê duyệt cho EVNNPC tại Quyết định số 177/QĐ-EVN ngày 02/10/2015 về Đề án nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và năng suất lao động giai đoạn 2016-2020 của EVNNPC (chi tiết như Phụ lục 1 kèm theo), Nghị quyết số 105/NQ-HĐTV ngày 21/4/2017 và Quyết định số 408/QĐ-EVN ngày 24/4/2017 của EVN về việc ban hành Chương trình tổng thể của EVN về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2017 và giai đoạn 2016-2020;

d) Đổi mới cơ chế quản lý tiền lương, tiền thưởng; quản lý sử dụng lao động hiệu quả, sắp xếp, tinh giảm biên chế lao động nhất là đội ngũ quản lý;

đ) Tăng cường công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực;

e) Đẩy mạnh nghiên cứu, áp dụng công nghệ mới vào công tác quản lý vận hành lưới điện phân phối và kinh doanh điện nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và năng suất lao động trong toàn EVNNPC; trong đó tập trung triển khai xây dựng các Trung tâm điều khiển, Trạm biến áp không người trực theo phê duyệt của EVN, kế hoạch lắp đặt công tơ điện tử có đo xa theo Nghị quyết số 337/NQ-HĐTV ngày 22/12/2016 của Hội đồng thành viên EVN (chi tiết như Phụ lục 2 kèm theo) và các nhiệm vụ khác theo Nghị quyết số 33/NQ-HĐTV ngày 03/02/2017 về Kế hoạch triển khai thực hiện Chủ đề năm 2017 và Quyết định số 177/QĐ-EVN ngày 02/10/2015 của Hội đồng thành viên EVN;

g) Tăng cường công tác quản lý dự án đầu tư, đảm bảo tiến độ và hiệu quả đầu tư;

h) Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm soát nội bộ; phòng chống tham nhũng, lãng phí; hàng năm, xây dựng kế hoạch thanh kiểm tra, thực hiện Luật Phòng chống tham nhũng, Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; công khai, dân chủ trong mọi hoạt động để hạn chế đơn thư khiếu kiện;

i) Rà soát, xây dựng kế hoạch, phương án và tổ chức thực hiện xử lý các dự án, doanh nghiệp yếu kém, có dấu hiệu mất vốn, thua lỗ thuộc EVNNPC; đồng thời, tăng cường kiểm tra giám sát đối với các dự án, các doanh nghiệp này.

### III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

#### 1. Tổng giám đốc EVN:

Hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này; định kỳ hàng quý báo cáo Hội đồng thành viên EVN; kịp thời xử lý những vướng mắc nảy sinh hoặc báo cáo Hội đồng thành viên EVN những vấn đề vượt quá thẩm quyền.

#### 2. Chủ tịch EVNNPC:

a) Tổ chức phổ biến, quán triệt các quan điểm, mục tiêu và các nội dung Đề án sắp xếp, tái cơ cấu EVNNPC giai đoạn 2017 - 2020 trong toàn EVNNPC nhằm tạo sự đồng thuận, nhất trí cao từ EVNNPC đến các đơn vị thành viên, từ cán bộ lãnh đạo các đơn vị đến người lao động trong quá trình triển khai thực hiện.

b) Chỉ đạo triển khai thực hiện kế hoạch sắp xếp, tái cơ cấu các đơn vị thành viên của EVNNPC giai đoạn 2017 - 2020 phù hợp với nội dung Đề án sắp xếp, tái cơ cấu EVNNPC giai đoạn 2017 - 2020:

- Nghiêm túc thực hiện việc sắp xếp, tái cơ cấu theo quy định và lộ trình đã được phê duyệt;

- Xây dựng phương án thoái vốn của EVNNPC tại các đơn vị nêu tại điểm e khoản 2 Phần II Điều này theo lộ trình đã được EVN phê duyệt, trình EVN thông qua để thực hiện;

- Xây dựng phương án và lộ trình cổ phần hóa Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thủy điện Sa Pa; trình EVN thông qua, báo cáo cấp có thẩm quyền phê duyệt để thực hiện;

- Xây dựng phương án chuyển giao lưới điện 110kV từ 03 Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Điện lực Hải Phòng, Hải Dương, Ninh Bình về Công ty Lưới điện cao thế miền Bắc quản lý, trình EVN phê duyệt trong tháng 9/2017.

- Nghiên cứu mô hình, tổ chức, quản lý điều hành, sắp xếp lại và nâng cao năng lực các Ban Quản lý dự án của Công ty mẹ - EVNNPC (gồm cả công tác quản lý dự án tại các Công ty hạch toán phụ thuộc) và của các Công ty con, trình EVN trong tháng 9/2017;

- Rà soát, báo cáo EVN về chi phí đầu tư các Trung tâm điều khiển, Trạm biến áp không người trực của EVNNPC trong tháng 8/2017;

- Xây dựng, phê duyệt theo thẩm quyền hoặc trình EVN phê duyệt các đề án, phương án khác nhằm thực hiện Đề án sắp xếp, tái cơ cấu EVNNPC giai đoạn 2017 - 2020.

c) Tập trung thực hiện tái cơ cấu quản trị doanh nghiệp theo các nội dung nêu tại khoản 3 Phần II Điều này; tiếp tục triển khai các nội dung về quản trị doanh nghiệp đã được EVN giao nhiệm vụ; đối với các nội dung thuộc thẩm quyền của EVN nhưng chưa chỉ đạo thực hiện, giao EVNNPC xây dựng, báo cáo EVN xem xét, quyết định.

d) Thực hiện đăng ký bổ sung, thay đổi ngành, nghề kinh doanh cho EVNNPC theo quy định pháp luật.

đ) Định kỳ hàng quý (trước ngày 20 của tháng cuối quý) báo cáo EVN tình hình, kết quả thực hiện Đề án này.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 3.** Tổng giám đốc, Chánh Văn phòng, các Trưởng Ban của Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Trưởng Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Chủ tịch Tổng công ty Điện lực miền Bắc chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Ban CĐ ĐM&PTDN Chính phủ (để b/c);
- Bộ Công Thương (để b/c);
- Bộ Tài chính (để b/c);
- Hội đồng thành viên EVN;
- Ban ĐM&PTDN EVN;
- Các Phó Tổng giám đốc EVN;
- Đảng ủy EVN;
- Công đoàn ĐLVN;
- Kiểm soát viên EVN;
- Tổng công ty Điện lực miền Bắc;
- Văn phòng/các Ban EVN;
- Lưu: VT, TH.HỆTV, TC&NS. -

**TM. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN  
CHỦ TỊCH**

  
  
**Dương Quang Thành**

**SAO Y BẢN CHÍNH  
TL. TỔNG GIÁM ĐỐC  
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG  
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**

  
  
**Lê Văn Tùng**

0079-C.  
ĐOÀN  
VIỆT NA  
VN  
I-T.P.HA

**Phụ lục 1: Các chỉ tiêu về hiệu quả kinh doanh, tài chính, kỹ thuật, năng suất lao động của Tổng công ty Điện lực miền Bắc giai đoạn 2017 – 2020**  
(Kèm theo Quyết định số 130/QĐ-EVN ngày 31/7/2017 của Hội đồng thành viên EVN)

**1. Chỉ tiêu nâng cao hiệu quả kinh doanh**

	Chỉ tiêu	Đơn vị	2017	2018	2019	2020
1	Tồn thất	%	6,02	5,68	5,34	5,00
2	Tỷ lệ thu tiền điện	%	99,7	99,7	99,7	99,7
3	Chỉ số độ tin cậy					
	MAIFI	lần	2,43	2,23	2,06	2,00
	SAIDI	phút	1.389	973	681	511
	SAIFI	lần	15,22	12,94	11,00	9,00
4	Suất sự cố lưới điện					
	ĐZ 110 kV	Kéo dài	0,788	0,701	0,624	0,555
		Thoáng qua	0,788	0,701	0,624	0,555
	Trạm biến áp 110 kV		0,196	0,167	0,142	0,121
5	Chỉ số tiếp cận điện năng	ngày	10	10	10	10

**2. Chỉ tiêu nâng cao năng suất lao động**

Chỉ tiêu	2017	2018	2019	2020
Điện thương phẩm/lao động (triệu kWh/lao động)	2,26	2,58	2,94	3,35
Số lượng khách hàng/lao động	392	416	442	470

**3. Chỉ tiêu nâng cao hiệu quả tài chính**

- EVNNPC đảm bảo hoạt động SXKD có lãi đạt và vượt kế hoạch EVN giao.
- Hệ số bảo toàn vốn  $\geq 1$ ;
- Khả năng thanh toán ngắn hạn  $> 1$ ;
- Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE)  $\geq 1\%$ ;
- Tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu  $\leq 3$  lần;

#### 4. Chỉ tiêu nâng cao năng lực quản lý kỹ thuật

- Đến năm 2020 lưới điện 110 kV EVNNPC đảm bảo tiêu chí N-1.
- Đảm bảo lưới điện vận hành ở điều kiện bình thường không vượt quá 75% tải định mức các MBA và 50% tải định mức của các đường dây; không để xảy ra tình trạng non tải và quá tải kéo dài.
- Đến năm 2020 hoàn thành 100% các Công ty Điện lực tỉnh đều có hệ thống SCADA.



**Phụ lục 2: Các chỉ tiêu về kế hoạch lắp đặt công tơ điện tử có đo xa của  
Tổng công ty Điện lực miền Bắc giai đoạn 2017 – 2020**  
(Kèm theo Quyết định số 130/QĐ-EVN ngày 31/7/2017 của Hội đồng thành viên EVN)

**Kế hoạch lắp đặt công tơ điện tử có đo xa của EVNNPC giai đoạn 2017-2020**

1. Đến hết năm 2017, hoàn thành triển khai lắp đặt 100% công tơ điện tử có đo xa cho tất cả công tơ ranh giới, đầu nguồn phục vụ giao nhận điện giữa các đơn vị trực thuộc EVNNPC, công tơ tổng trạm biến áp công cộng, công tơ bán điện khách hàng trạm biến áp chuyên dùng.

2. Số lượng công tơ điện tử có đo xa đối với các khách hàng sau trạm biến áp công cộng lắp đặt đến hết năm 2020 của EVNNPC là: 3.739.700 công tơ.

Số: 148/QĐ-EVN

Hà Nội, ngày 23 tháng 5 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH**

**V/v phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 5 năm 2016-2020  
của Tổng công ty Điện lực Miền Bắc**

**HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM**

Căn cứ Nghị định số 26/2018/NĐ-CP ngày 28/02/2018 của Chính phủ về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Điện lực Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 428/QĐ-TTg ngày 18/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2011-2020 có xét đến 2030;

Căn cứ Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 13/02/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 5 năm 2016-2020 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam;

Căn cứ các Quyết định của Bộ Công Thương phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh / thành phố giai đoạn 2016-2025 có xét đến 2035;

Căn cứ Quyết định số 177/QĐ-EVN ngày 02/10/2015 của Tập đoàn về việc phê duyệt Đề án Nâng cao hiệu quả SXKD và Năng suất lao động giai đoạn 2016-2020 của Tổng công ty Điện lực miền Bắc;

Căn cứ Nghị quyết số 140/NQ-HĐTV ngày 24/4/2018 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Điện lực Việt Nam;

Theo đề nghị của Tổng giám đốc Tập đoàn Điện lực Việt Nam,

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 5 năm 2016-2020 của Tổng công ty Điện lực miền Bắc (EVNNPC) với các nội dung chính sau:**

**I. MỤC TIÊU**

Đảm bảo cung cấp điện đầy đủ, ổn định, chất lượng dịch vụ ngày càng cao, góp phần đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của địa phương; Xây dựng Tổng công ty Điện lực miền Bắc trở thành Tổng công ty mạnh có trình độ KHCN, quản trị hiện đại, chuyên môn hoá cao, hoạt động hiệu quả bền vững trong Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam và đạt tầm khu vực; không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người lao động.

## II. NHIỆM VỤ CHÍNH

1. Nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, tăng năng suất lao động, giảm chi phí.
2. Duy trì tài chính lành mạnh, minh bạch và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.
3. Nâng cao chất lượng kinh doanh - dịch vụ khách hàng: Hoàn thành các chỉ tiêu kinh doanh bán điện và nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng; chủ động tham gia thị trường bán buôn và thị trường bán lẻ điện cạnh tranh.
4. Nâng cao hiệu quả quản lý kỹ thuật - vận hành: vận hành hệ thống điện an toàn, ổn định tin cậy; từng bước hoàn thiện lưới điện thông minh, có tỷ lệ tự động hóa cao.
5. Nâng cao hiệu quả đầu tư - xây dựng: Đầu tư xây dựng hiệu quả, đồng bộ, đáp ứng yêu cầu phụ tải; tận dụng hiệu quả mọi nguồn vốn trong công tác đầu tư xây dựng.
6. Tăng cường công tác Quản trị, hoàn thiện bộ máy tổ chức: Củng cố và nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; Thực hiện tái cấu trúc theo đề án được Tập đoàn phê duyệt.
7. Đẩy mạnh ứng dụng CNTT: Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ mới, CNTT trong đầu tư, quản lý vận hành hệ thống điện, kinh doanh - dịch vụ khách hàng và trong công tác quản lý, điều hành.

## III. CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH CHỦ YẾU

### 1. Cung cấp và kinh doanh điện

#### a) Kế hoạch điện thương phẩm

EVNNPC có trách nhiệm đáp ứng nhu cầu điện với tốc độ tăng trưởng điện thương phẩm bình quân giai đoạn 2016-2020 là 12,56%/năm, cụ thể như sau:

**Bảng 1a. Kế hoạch điện thương phẩm giai đoạn 2016-2020**

Chỉ tiêu	2016	2017	2018	2019	2020	Bình quân 2016-2020
Điện thương phẩm (tr.kWh)	51.144	57.338	63.900	71.950	80.900	
Tốc độ tăng trưởng	14,2%	12,11%	11,45%	12,60%	12,44%	12,56%

EVNNPC thực hiện dự báo phụ tải và chuẩn bị các phương án để có thể cung cấp đủ điện cho phát triển KT-XH trên địa bàn quản lý với tốc độ tăng trưởng điện thương phẩm cao hơn (phương án cao là 13,1% và phương án thấp là 12% cho các năm 2018-2020).

**Bảng 1b. Kế hoạch thương phẩm giai đoạn 2016-2020 phương án kiểm tra**

Điện thương phẩm	ĐVT	2016	2017	2018	Ước 2018	2019	2020	BQ 2016-2020
Phương án cao	Tr.kWh	51.144	57.338	63.900	64.800	73.300	82.900	
Tốc độ tăng trưởng	%	14,2%	12,11%	11,45%	13,02%	13,12%	13,10%	13,11%
Phương án thấp	Tr.kWh	51.144	57.338	63.900	63.900	71.100	79.100	
Tốc độ tăng trưởng	%	14,2%	12,11%	11,45%	11,45%	11,27%	11,25%	12,05%

Hàng năm, trên cơ sở kế hoạch Bộ Công Thương giao, Tập đoàn sẽ tính toán để giao kế hoạch điện thương phẩm cho EVNNPC.

**b) Chỉ tiêu tổn thất**

- Chỉ tiêu pháp lệnh: tổn thất điện năng đến năm 2020 không cao hơn 5,0%.

**Bảng 2a. Chỉ tiêu tổn thất pháp lệnh giai đoạn 2016-2020**

	2016	2017	2018	2019	2020
Tổn thất điện năng (%)	6,36	6,02	5,68	5,34	5,00
Giảm so với năm trước (%)	-0,32	-0,34	-0,34	-0,34	-0,34

- Chỉ tiêu thực hiện: giao EVNNPC thực hiện TTĐN đến năm 2020 không cao hơn 4,85% để đạt được kế hoạch giảm TTĐN toàn Tập đoàn đến năm 2020 còn 6,5%.

**Bảng 2b. Chỉ tiêu thực hiện giảm tổn thất giai đoạn 2016-2020**

	2016	2017	2018	2019	2020
Tổn thất điện năng (%)	6,36	5,98	5,51	5,18	4,85
Giảm so với năm trước (%)	-0,32	-0,38	-0,47	-0,33	-0,33

**c) Chỉ tiêu giá bán điện bình quân**

Giá bán điện bình quân hàng năm cao hơn chỉ tiêu EVN giao từ 2÷5 đ/kWh.

**d) Chỉ tiêu độ tin cậy cung cấp điện**

**Bảng 3. Chỉ tiêu độ ổn định cung cấp điện giai đoạn 2016-2020**

Chỉ tiêu	Đơn vị	2016	2017	2018	2019	2020
MAIFI	lần	2,64	2,43	2,23	2,06	2,00
SAIDI	phút	1.985	1.389	973	681	511
SAIFI	lần	17,9	15,22	12,94	11	9

**e) Chỉ tiêu suất sự cố**

**Bảng 4. Chỉ tiêu suất sự cố giai đoạn 2016-2020**

Chỉ tiêu		2016	2017	2018	2019	2020
ĐZ 110 kV	Kéo dài	0,885	0,788	0,701	0,624	0,555
	Thoáng qua	0,885	0,788	0,701	0,624	0,555
Trạm biến áp 110 kV		0,237	0,196	0,167	0,142	0,121

**f) Kế hoạch xây dựng TTĐK và TBA KNT**

**Bảng 5. Kế hoạch xây dựng TTĐK và TBA KNT**

Đơn vị		2016	2017	2018	2019	2020
EVNNPC	TTĐK	8	3	8	3	5
	110kV	22	66	93	16	14

## **2. Kế hoạch Đầu tư phát triển**

### **a) Mục tiêu đầu tư**

- Triển khai đầu tư các công trình lưới điện phù hợp với Quy hoạch và đảm bảo hiệu quả đầu tư các dự án, khắc phục tình trạng quá tải, không để xảy ra tình trạng non tải, cải thiện chất lượng điện áp và đáp ứng mục tiêu đến năm 2020 hệ thống lưới điện 110kV các thành phố lớn, các khu vực phụ tải tập trung đạt tiêu chuẩn độ tin cậy N-1.
- Đẩy mạnh nâng cấp, hiện đại hóa lưới điện, ứng dụng kỹ thuật công nghệ mới, tiên tiến và công nghệ thông tin nhằm nâng cao độ tin cậy cung cấp điện và công tác quản lý vận hành, từng bước chuyển các TBA 110kV sang vận hành không người trực.

### **b) Nhiệm vụ đầu tư**

Phát triển lưới điện phù hợp Quy hoạch phát triển điện lực các địa phương và phù hợp với tăng trưởng phụ tải, trong đó:

- Đầu tư các công trình lưới điện 220kV theo phân giao của Tập đoàn.
- Lưới điện 110kV: xây dựng theo cấu trúc mạch vòng, các trạm biến áp trong khu vực có mật độ phụ tải cao cần đảm bảo thiết kế theo sơ đồ hợp lý để đảm bảo có thể vận hành linh hoạt, tăng cường đầu tư, cải tạo nâng cấp các công trình đường dây 110kV đường trục, mạch vòng. Đảm bảo đầu tư các công trình 110kV đồng bộ với việc phát triển lưới điện truyền tải.
- Đầu tư lưới điện trung, hạ áp để đảm bảo năng lực phân phối điện và có thể cung cấp bán trực tiếp cho các phụ tải phù hợp với phát triển thị trường điện. Đầu tư các dự án theo Chương trình cấp điện nông thôn, miền núi, hải đảo giai đoạn 2013-2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định 2081/QĐ-TTg ngày 8/11/2013 và phù hợp với khả năng bố trí vốn của Ngân sách nhà nước.

### **c) Khối lượng đầu tư**

Trong giai đoạn 2016-2020, hoàn thành đưa vào vận hành 374 công trình lưới điện 220-110kV với tổng chiều dài 4.170 km và tổng dung lượng trạm biến áp khoảng 13.400 MVA. Trong đó:

- Lưới điện 220kV: hoàn thành 4 công trình 220kV đã được Tập đoàn giao với tổng chiều dài đường dây là 28km, tổng công suất là 1.000MVA, trong đó:
- Lưới điện 110kV: hoàn thành 370 công trình với công suất các trạm biến áp khoảng 12.400 MVA và 4.146 km đường dây.
- Đầu tư mới và cải tạo lưới điện trung, hạ thế theo qui hoạch và tình hình phát triển phụ tải; Đảm bảo nâng cao chất lượng điện năng và năng lực phân phối điện.

*Danh mục các công trình lưới điện 220-110kV hoàn thành giai đoạn 2016-2020 tại Phụ lục 1 kèm theo.*

### **d) Kế hoạch vốn đầu tư**

- Kế hoạch vốn đầu tư trong giai đoạn 2016-2020 của EVNNPC là 78.960 tỷ đồng, trong đó:

- + Giá trị đầu tư thuần: 59.884 tỷ đồng.
- + Trả nợ gốc và lãi vay: 17.569 tỷ đồng.
- + Góp vốn: 1.508 tỷ đồng.

**Bảng 6. Kế hoạch thực hiện vốn đầu tư giai đoạn 2016-2020 (Đơn vị: tỷ đồng)**

TT	Chỉ tiêu	2016	2017	2018	2019	2020	Tổng
<b>I</b>	<b>TỔNG ĐẦU TƯ</b>	<b>13.327</b>	<b>14.994</b>	<b>16.201</b>	<b>16.729</b>	<b>17.710</b>	<b>78.960</b>
1	Trả nợ gốc và lãi vay	2.281	2.966	3.212	4.250	4.860	17.569
2	Góp vốn, tiếp nhận	103	336	477	310	282	1.508
3	<b>Đầu tư thuần</b>	<b>10.943</b>	<b>11.692</b>	<b>12.512</b>	<b>12.169</b>	<b>12.568</b>	<b>59.884</b>
a	Nguồn điện	314	318	315	22	5	974
b	Lưới điện 220kV	149	19	6	295	138	607
c	Lưới điện 110kV	2.702	3.717	4.750	4.560	4.650	20.379
d	Lưới điện phân phối	6.472	6.683	6.204	6.152	6.795	32.306
e	Đầu tư khác	1.306	955	1.238	1.140	980	5.619

- EVNNPC tập trung mọi nỗ lực, huy động các nguồn vốn trong nước và nước ngoài để đáp ứng nhu cầu vốn đầu tư trong giai đoạn 2016-2020.

### 3. Kế hoạch tài chính

#### a) Mục tiêu

- Duy trì cân bằng tài chính, bảo toàn và phát triển vốn.
- Tối ưu hóa chi phí, giảm giá thành, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

#### b) Chỉ tiêu tài chính

**Bảng 7. Các chỉ tiêu tài chính giai đoạn 2016-2020**

		ĐVT	2016	2017	2018	2019	2020
1	Chi phí phân phối/kWh	đ/kWh					
	- Phương án thấp		348,2	347,7	330,1	323,5	315,3
	- Phương án cao					316,7	305,1
2	Hệ số nợ phải trả/Vốn CSH	Lần	≤ 3	≤ 3	≤ 3	≤ 3	≤ 3
3	Tỷ lệ tự đầu tư	%	≥ 30%	≥ 30%	≥ 30%	≥ 30%	≥ 30%
4	Hệ số thanh toán nợ	Lần	> 1	> 1	> 1	> 1	> 1
5	Tỷ suất LN/vốn	%	≥ 3%	≥ 3%	≥ 3%	≥ 3%	≥ 3%

#### Ghi chú:

- Chi phí phân phối tính toán trên 2 phương án cung cấp điện (phương án thấp tăng trưởng 12% và phương án cao 13,1% cho các năm 2018-2020).
- Chi phí phân phối/kWh không bao gồm chênh lệch tỷ giá và đã tiết kiệm 7,5% yếu tố chi phí tính theo định mức.

### c) *Vốn điều lệ*

Căn cứ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và nguồn bổ sung vốn điều lệ, Tập đoàn sẽ xem xét phê duyệt điều chỉnh vốn điều lệ của EVNNPC giai đoạn sau năm 2018 phù hợp với vốn điều lệ Tập đoàn được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

## 4. Kế hoạch sử dụng lao động và năng suất lao động

### a) *Kế hoạch sử dụng lao động*

Kế hoạch sử dụng, tuyển dụng lao động của EVNNPC giai đoạn 2016-2020 như sau:

**Bảng 8. Kế hoạch sử dụng lao động giai đoạn 2016-2020**

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	2016	2017	2018	2019	2020
1	Lao động sử dụng bình quân	Người	27.840	27.591	27.499	27.444	27.389
	<i>Tr.đó: LĐ SXKD điện</i>	Người	25.197	24.665	24.350	24.150	24.050
2	Kế hoạch tuyển dụng	Người			339	330	330

### b) *Năng suất lao động*

**Bảng 9. Chỉ tiêu năng suất lao động giai đoạn 2016-2020**

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2016	2017	2018	2019	2020
Theo sản lượng điện TP	Tr.kWh/người	2,03	2,32	2,58	2,94	3,35
<i>Tăng trưởng</i>	%	17,4%	14,5%	11,0%	14,0%	13,9%
Theo khách hàng	KH/ người	370	391	405	423	438
<i>Tăng trưởng</i>	%	8,2%	5,7%	3,6%	4,4%	3,5%

## 5. Kế hoạch đào tạo và phát triển nguồn nhân lực

Trong giai đoạn 2016-2020, kế hoạch đào tạo cho EVNNPC trung bình 72.031 lượt người/năm, tập trung vào các nội dung:

- Nâng cao trình độ, cập nhật kiến thức quản lý cho các cấp lãnh đạo đương nhiệm và quy hoạch.
- Đào tạo để đáp ứng đúng theo yêu cầu của tiêu chuẩn chức danh. Đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng, chuyên môn phù hợp với vị trí công tác. Đào tạo lại để tái bố trí công tác.

Xây dựng đội ngũ kỹ sư, chuyên gia đầu ngành, đào tạo chuyên sâu trong các lĩnh vực then chốt: lưới điện thông minh, sửa chữa nóng, công nghệ thông tin, thị trường điện,...

**Bảng 10. Kế hoạch đào tạo giai đoạn 2016-2020**

TT	Loại hình đào tạo	2016	2017	2018	2019	2020	Tổng số
<b>I</b>	<b>Dài hạn</b>	-	20	45	45	40	150
1	Đang đào tạo						
2	Đào tạo mới	-	20	45	45	40	150
2.1	Tiến sỹ						
2.2	Thạc sỹ	-	20	45	45	40	150
	Quản trị kinh doanh trong nước					20	20
	Quản trị kinh doanh tại nước ngoài			25	25		50
	Kỹ thuật điện		20	20	20	20	80
<b>II</b>	<b>Ngắn hạn</b>	<b>78.309</b>	<b>88.023</b>	<b>87.252</b>	<b>84.032</b>	<b>83.957</b>	<b>420.323</b>
1	Đào tạo cán bộ quản lý	532	567	567	567	567	2.800
	Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý cấp 2	2	2	2	2	2	10
	Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý cấp 3	30	40	40	40	40	190
	Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý cấp 4	500	500	500	500	500	2.500
	Đào tạo đội ngũ cán bộ Lãnh đạo cấp Tổng công ty	-	25	25	25	25	100
2	Đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ	7.495	11.220	11.540	11.570	11.475	53.300
	(TBA không người trực, CNTT, thị trường điện, sửa chữa thiết bị điện, văn hóa giao tiếp, phổ biến pháp luật...)	7.495	11.220	11.540	11.570	11.475	53.300
3	Đào tạo chuyên gia	-	24	60	60	60	204
	Đào tạo chuyên gia theo đề án đào tạo chuyên gia của EVN			20	20	20	60
	Chuyên gia sửa chữa nóng (hotline)		24	40	40	40	144
4	Đào tạo thường xuyên	57.150	61.650	61.670	59.770	59.790	300.030
5	Đào tạo chuẩn bị sản xuất						
6	Hợp tác đào tạo, đào tạo theo dự án						
7	Tập huấn	7.017	8.337	10.050	8.670	8.700	41.524
8	Khác	6.115	6.225	3.365	3.395	3.365	22.465
	<b>Tổng cộng</b>	<b>78.309</b>	<b>88.043</b>	<b>87.297</b>	<b>84.077</b>	<b>83.997</b>	<b>420.473</b>

**6. Phương án tái cơ cấu, sắp xếp lại mô hình tổ chức**

Thực hiện theo Quyết định số 130/QĐ-EVN ngày 31/7/2017 của Tập đoàn.

## 7. Kế hoạch thoái vốn

**Bảng 11. Kế hoạch thoái vốn của EVNNPC giai đoạn 2018-2020**

TT	Công ty	Tiến độ thoái vốn
1	CTCP Đầu tư phát triển Bắc Minh	2018 (theo NQ 75/NQ-HĐTV ngày 21/3/2017)
2	CTCP Thủy điện Nậm Mỏ	
3	CTCP Thủy điện Nậm Chiến	2018-2019
4	CTCP Thủy điện Nậm Mức	2018-2019
5	CTCP Đầu tư và Phát triển điện miền Bắc 3 (NEDI3)	2018-2019
6	CTCP SX TBĐ miền Bắc	2018-2020
7	CTCP Thủy điện Hồ Bốn	2018-2020 (theo NQ 75/NQ-HĐTV ngày 21/3/2017)
8	CTCP Thủy điện Nậm Đông 4	
9	CTCP Xây lắp điện lực 1	2019-2020
10	CTCP EVN Quốc Tế	Sau khi hoàn thành dự án TĐ Hạ Sêsan 2

EVNNPC trình Tập đoàn phương án thực hiện thoái vốn cụ thể tại từng Công ty cổ phần.

## 8. Kế hoạch tham gia thị trường điện

- Hoàn thiện hạ tầng công nghệ thông tin, đáp ứng vận hành thị trường điện giai đoạn 2017 - 2020.
  - + Xây dựng bộ máy nhân sự, lựa chọn các cá nhân đủ năng lực và trình độ, tổ chức vận hành đồng bộ để tham gia thị trường điện ở các giai đoạn tiếp theo.
  - + Hoàn thành phần mềm Dự báo phụ tải theo 2 phương án top down và bottom up, áp dụng cho toàn Tổng công ty và các Công ty Điện lực.
  - + Đào tạo cơ bản và chuyên sâu cho các cán bộ tham gia thị trường điện: tham dự các lớp đào tạo của Cục Điều tiết Điện lực, EVN và EVNNPC tổ chức.
- Năm 2017-2018: Tiếp tục vận hành thị trường bán buôn thí điểm bước 2 gồm các công việc sau:
  - + Thử nghiệm các cơ chế vận hành của thị trường bán buôn điện cạnh tranh trong thực tế; từ 01/01/2018 thực hiện thanh toán thực tế một phần sản lượng theo cơ chế thị trường.
  - + Nghiên cứu góp ý xây dựng Quy định vận hành thị trường bán buôn điện cạnh tranh và các quy định có liên quan.
  - + Tham gia thực hiện tái cơ cấu ngành điện theo Đề án đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.
  - + Thực hiện đầu tư, xây dựng và nâng cấp hệ thống cơ sở hạ tầng công nghệ

thông tin trong phạm vi quản lý của Tổng công ty, đảm bảo tương thích với hệ thống cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin cho thị trường bán buôn điện cạnh tranh theo Đề án đã được phê duyệt.

+ Tiếp tục thực hiện tổ chức các khóa đào tạo chuyên sâu cho các cán bộ tham gia thị trường điện. Lập kế hoạch đào tạo, bố trí kinh phí nhân lực từ đầu năm để việc triển khai đào tạo đạt hiệu quả, đúng tiến độ.

- Từ năm 2019 - 2020: EVNNPC tham gia và vận hành thị trường bán buôn điện cạnh tranh hoàn chỉnh.

#### **IV. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

##### **1. Giải pháp trong cung ứng điện**

- Đảm bảo cung ứng điện liên tục, đầy đủ cho nhu cầu sử dụng trên địa bàn thông qua việc triển khai phương án cung ứng điện phục vụ lễ Tết, các kịch bản cung ứng điện mùa khô, kế hoạch sản lượng và Pmax cho từng đơn vị.

- Xây dựng kế hoạch sửa chữa, bảo dưỡng các công trình lưới điện và đảm bảo tiến độ thực hiện theo kế hoạch. Áp dụng các công nghệ tiên tiến vào quá trình quản lý vận hành, sửa chữa lưới điện như xe nâng, các công nghệ sửa chữa không cần cắt điện hoặc các giải pháp cấp điện tạm thời mới.

- Xây dựng Chương trình mô phỏng, thu thập thông số, trạng thái cho lưới điện trung áp, hướng đến lưới điện hạ áp.

- Kết nối các chương trình phần mềm OMS, GIS và Chương trình Mô phỏng, thu thập thông số, trạng thái lưới điện trung áp thành một hệ thống theo dõi, quản lý lưới điện. Mở rộng, phát triển chương trình GIS để đáp ứng và phục vụ công tác quản lý vận hành lưới điện từ quản lý thiết bị đến tình hình vận hành.

- Áp dụng công nghệ mới trong quá trình vận hành như sử dụng thiết bị vệ sinh sứ hotline bằng nước áp lực cao đối với các đường dây thường xuyên đi qua các khu vực bụi bẩn mà khả năng cắt điện để vệ sinh cách điện khó khăn.

- Nghiên cứu sử dụng thí điểm các phương pháp chống sét mới có khả năng loại trừ cao các ảnh hưởng của sét đến sự cố lưới điện 110kV như chống sét bằng tia mềm.

##### **2. Nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng, hiệu quả kinh doanh**

###### **a) Các giải pháp tăng điện năng thương phẩm**

- Đảm bảo cung cấp điện ổn định cho các khách hàng công nghiệp lớn, các khu công nghiệp quan trọng, rút ngắn thời gian cấp điện mới. Đảm bảo cấp điện đầy đủ, có chất lượng và kịp thời cho khách hàng.

- Nâng cấp đồng bộ lưới điện 110kV và lưới trung áp để giảm thiểu thời gian cắt điện, rút ngắn thời gian xử lý sự cố, nâng cao độ tin cậy cung cấp điện để tăng thương phẩm và doanh thu; cải tạo lưới điện hạ áp nông thôn theo đúng kế hoạch đề ra.

#### *b) Các giải pháp tăng giá bán điện bình quân*

- Tăng cường lắp đặt công tơ 3 giá, đặc biệt là đối với nhóm khách hàng sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.
- Thực hiện cải tạo nâng cấp lưới điện hạ áp nông thôn đúng tiến độ, đảm bảo cung cấp điện ổn định cho khách hàng để giảm tỷ trọng thương phẩm hiện nay đang bán theo giá bán buôn nông thôn.
- Đẩy mạnh việc kiểm tra áp giá bán điện, đảm bảo áp giá bán điện theo đúng đối tượng, mục đích sử dụng điện đồng thời tăng cường kiểm tra rà soát số hộ dùng chung trong HDMBD.

#### *c) Các giải pháp giảm tổn thất điện năng*

- Từng bước xóa bỏ 238 trạm trung gian 35/10, 6 kV, ưu tiên tập trung tại các tỉnh có thương phẩm lớn như Thanh Hóa, Nghệ An, Thái Bình, Hưng Yên, Hải Dương, Quảng Ninh... Đối với các công trình điện 6kV, 10kV nếu có yêu cầu cần sửa chữa, nâng cấp thì thực hiện sửa chữa, nâng cấp theo tiêu chuẩn vận hành lưới điện 22kV.
- Tính toán, xây dựng các mạch vòng 110kV và các mạch vòng trung áp hợp lý để nâng cao độ linh hoạt và đảm bảo chất lượng điện năng cung cấp cho khách hàng.
- Từng bước thay thế công tơ điện tử tại các khu vực Thành phố, Thị xã, Thị trấn và một số khu vực nông thôn, làng nghề có sản lượng điện thương phẩm lớn, giá bán bình quân cao của khu vực đồng bằng Bắc bộ. Tiếp tục cải tạo lưới điện hạ áp nông thôn bằng các nguồn vốn vay ưu đãi với lãi suất thấp để giảm tổn thất điện năng.
- Đẩy nhanh tiến độ xây dựng, cải tạo đối với các ĐZ, trạm biến áp 110kV đang quá tải. Kiểm soát chặt chẽ chất lượng thiết bị khi thực hiện các dự án cải tạo, thay thế thiết bị.
- Tăng cường công tác kiểm tra sử dụng điện, xử lý kiên quyết và triệt để các hành vi trộm cắp điện.

#### *d) Công tác dịch vụ khách hàng*

- Nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng: Bám sát kết quả tiếp nhận, giải quyết yêu cầu của khách hàng qua Trung tâm chăm sóc khách hàng, đẩy mạnh ứng dụng CNTT, công nghệ mới để giám sát và áp dụng nhiều hình thức thông báo điện đại, chi phí hợp lý để cung cấp thông tin đến khách hàng sử dụng điện.
- Ban hành các mẫu hồ sơ cấp điện, khảo sát, cấp điện theo hướng cải cách thủ tục thông qua việc sử dụng máy tính bảng kết hợp với máy in nhiệt để khảo sát, lập dự toán, phương án cấp điện, thu tiền tại nhà khách hàng khi khảo sát, chụp ảnh hồ sơ cấp điện... để tổ chức lắp công tơ nhanh nhất cho khách hàng để rút ngắn chỉ số tiếp cận điện năng.
- Hoàn thiện hệ thống đo xa cho tất cả các điểm đo giao nhận điện và các khách hàng trọng điểm để giám sát được việc sử dụng điện của khách hàng và tối ưu chi phí mua điện.

- Đẩy mạnh việc liên kết với các ngân hàng, đối tác thu hộ tiền điện áp dụng nhiều hình thức thanh toán hóa đơn hiện đại, tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng.
- Vận hành tốt hệ thống CMIS 2.0, các Webiste, các chương trình phục vụ công tác kinh doanh để công tác chỉ đạo điều hành một cách có hiệu quả.
- Số hóa dữ liệu khách hàng của toàn bộ khách hàng. Áp dụng CMIS 3.0 tại tất cả các CTĐL/ĐL, cung cấp dịch vụ tại trung tâm hành chính công của các Tỉnh/Thành phố.

### **3. Giải pháp về đảm bảo tài chính**

*a) Đảm bảo các hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn >1, hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu < 3.*

- Đẩy mạnh công tác quản trị dòng tiền, thực hiện quản lý dòng tiền tập trung tại Tổng Công ty; thực hiện việc kiểm soát công nợ nội bộ, báo cáo thu nộp tiền điện hàng tháng; xây dựng kế hoạch dòng tiền thu chi hàng tháng; làm việc với Ngân hàng để có chính sách ưu đãi về lãi suất; yêu cầu các đơn vị tổ chức thanh xử lý VTTB kém chất lượng và tài sản không có nhu cầu sử dụng để thu hồi vốn lưu động bổ sung cho hoạt động SXKD. Thực hiện linh hoạt trong việc quản lý dòng tiền, áp dụng gửi tiền có kỳ hạn đối với những khoản vốn tạm thời nhàn rỗi.

- Đẩy nhanh công tác nghiệm thu, quyết toán các công trình ĐTXD và sửa chữa lớn trong năm và hoàn thành việc giải ngân dứt điểm vào cuối năm không để tình trạng dư nợ ĐTXD và sửa chữa lớn cuối năm cao. Hàng năm EVNNPC lập kế hoạch Quyết toán đồng bộ xây dựng kế hoạch năm, báo cáo Tập đoàn để quản lý thực hiện.

- Thực hiện rà soát phân loại lại tuổi nợ, chuyển nợ ngắn hạn sang nợ dài hạn và thanh toán dứt điểm các khoản công nợ lâu ngày toàn Tổng công ty. Thực hiện giao chỉ tiêu tài chính cho các công ty TNHH MTV và các công ty cổ phần chi phối, giao chỉ tiêu công nợ cho các đơn vị trực thuộc.

- Rà soát lại các danh mục dự án đầu tư, tập trung thực hiện các dự án đầu tư mang lại hiệu quả kinh tế cao, tránh việc đầu tư dàn trải.

- Tranh thủ tận dụng các nguồn vốn tín dụng ưu đãi và vốn NSNN cho các dự án trọng điểm để giảm các khoản vay TDTM.

- Tập trung triển khai thực hiện tốt công tác tiết kiệm chống lãng phí theo Quyết định 408/QĐ-EVN ngày 24/4/2017 về Ban hành Chương trình tổng thể của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2017 và giai đoạn 2016-2020 trong SXKD và ĐTXD theo các chỉ tiêu, nhiệm vụ EVN và EVNNPC đề ra.

#### *b) Bảo toàn và phát triển vốn*

- Thực hiện sử dụng vốn, thu hồi, nhượng bán và thanh lý tài sản cố định đúng quy định; xây dựng kế hoạch mua sắm VTTB, hàng hóa chặt chẽ theo đúng nhu cầu thực tế, tránh tình trạng tồn kho VTTB gây lãng phí nguồn vốn.

- Tích cực làm việc với UBND các tỉnh để tiếp nhận tài sản lưới điện đầu tư theo

QĐ số 2081/QĐ-TTg ngày 08/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ, đẩy nhanh công tác quyết toán để ghi nhận tăng vốn các tài sản nhận bàn giao.

#### **4. Giải pháp cho đầu tư xây dựng**

- Đẩy nhanh tiến độ chuẩn bị đầu tư: Tập trung chỉ đạo thực hiện có trọng tâm, trọng điểm, giao kế hoạch sớm cho các đơn vị đối với các dự án, công trình điện trong Quy hoạch phát triển lực các tỉnh/thành phố, đảm bảo chất lượng công trình và hoàn thành theo đúng tiến độ đề ra hàng năm và cả giai đoạn 2016-2020; Chủ động rà soát Quy hoạch phát triển Điện lực để có những điều chỉnh phù hợp với nhu cầu thực tế, đồng thời sẵn sàng các phương án, giải pháp để đầu tư bổ sung các dự án điện cấp bách đáp ứng các nhu cầu điện mới của các nhà đầu tư; Phối hợp, tranh thủ sự giúp đỡ của các Sở, Ban ngành, cơ quan địa phương kịp thời tháo gỡ bất cập; kịp thời báo cáo thành phố để chỉ đạo giải quyết công tác thỏa thuận vị trí TBA, tuyến đường dây;
- Phê duyệt chi tiết tiến độ thực hiện từ khâu chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư đến khi hoàn thành đối với các dự án lưới điện tại Phụ lục 1 và báo cáo Tập đoàn trước 30/5/2018 để làm cơ sở quản lý thực hiện.
- Rà soát nhằm sớm phát hiện những bất cập trong công tác thực hiện đầu tư. Từ đó, đưa ra những giải pháp nhằm tháo gỡ kịp thời; Tăng cường năng lực quản lý dự án, hợp đồng; Giao ban điều hành thường xuyên giữa chủ đầu tư, tư vấn thiết kế, giám sát, nhà thầu nhằm giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh tại hiện trường.
- Định kỳ hàng năm, đánh giá tình hình đầu tư các công trình lưới điện theo qui hoạch và kế hoạch 5 năm được duyệt, đánh giá khả năng truyền tải - cung ứng điện trên địa bàn quản lý của EVNNPC và theo từng khu vực và báo cáo Tập đoàn trong tháng 3 năm tiếp theo.
- Tập trung đầu tư có trọng tâm, trọng điểm vào các dự án có hiệu quả đầu tư cao như chống quá tải lưới điện đặc biệt là lưới điện 110kV, cấp điện cho các khách hàng công nghiệp, cải tạo tối thiểu lưới điện HANT sau tiếp nhận nhằm đảm bảo an toàn cung cấp điện đồng thời đảm bảo mục tiêu chính trị, an ninh quốc phòng và phát triển kinh tế.
- Cân đối sử dụng nguồn vốn đầu tư hiệu quả. Trong kế hoạch hàng năm cần xác định thứ tự ưu tiên để cân đối, bố trí vốn cho các dự án đảm bảo mục tiêu đầu tư.
- Chủ động xây dựng, tính toán nhu cầu vốn theo các dự án để làm việc với các ngân hàng, tổ chức tài chính trong và ngoài nước để thu xếp vốn. Đa dạng các hình thức huy động nguồn vốn trong nước và quốc tế để đáp ứng đủ nhu cầu vốn cho đầu tư xây dựng, tìm kiếm nguồn vốn tín dụng hỗ trợ xuất khẩu của nước ngoài thông qua việc đấu thầu cung cấp thiết bị hoặc đấu thầu EPC; huy động vốn bằng hình thức phát hành trái phiếu trong nước và phát hành trái phiếu quốc tế. Định kỳ 6 tháng và cả năm báo cáo Tập đoàn tình hình thu xếp vốn đầu tư các dự án điện.
- Nâng cao năng lực các Ban Quản lý dự án; Thực hiện đầy đủ quyền và trách nhiệm theo Quy chế phân cấp quyết định đầu tư của Tập đoàn; Tập trung lực lượng để giải quyết kịp thời các phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng các dự án.

- Tăng cường công tác quản lý hợp đồng và quản lý chất lượng các nhà thầu xây lắp, cung cấp VTTB. Kiên quyết loại bỏ các nhà thầu không đủ năng lực. Trong công tác đấu thầu và ký kết hợp đồng, khi các gói thầu thực hiện đấu thầu sai tiến độ với KHĐT đã được phê duyệt thì cần hiệu chỉnh ngay tiến độ đấu thầu để đảm bảo tiến độ giữa các hợp đồng được đồng bộ. Tránh tình trạng cứ ký kết hợp đồng xong lại đề nghị nhà thầu giảm tiến độ cung cấp, mặc dù đã biết vấn đề này trước khi mở thầu/hoặc đang trong quá trình xét thầu.

- Cân đối khối lượng quản lý dự án giữa các đơn vị để phát huy tối đa năng lực hiện có của các ban QLDA. Lấy mục tiêu tiến độ, chất lượng và hiệu quả của dự án làm thước đo năng lực điều hành của các Ban QLDA.

- Thực hiện tốt công tác giám sát, đánh giá đầu tư.

- Phối hợp tốt giữa ngành điện và địa phương nhằm tranh thủ sự ủng hộ của địa phương để giải quyết nhanh công tác đền bù giải phóng mặt bằng. Tăng cường công tác tuyên truyền để người dân hiểu, đồng thuận đối với công tác đầu tư xây dựng và bảo vệ các công trình lưới điện.

- Thực hiện công tác quyết toán vốn đầu tư các công trình hoàn thành theo đúng quy định của nhà nước. Hàng năm lập kế hoạch Quyết toán đồng bộ xây dựng kế hoạch năm, báo cáo Tập đoàn.

## **5. Ứng dụng công nghệ mới để giảm chi phí, nâng cao năng suất lao động**

- Hoàn thiện hệ thống mạng VTDR đảm bảo đáp ứng nhu cầu kênh truyền cho toàn bộ hoạt động của công ty

- Điều hành hoạt động SXKD thông qua các hệ thống phần mềm, ứng dụng công nghệ thông tin.

- Điều hành lưới điện: Kết nối SCADA, Hotline, các trung tâm đóng cắt, điều khiển từ xa, lưới điện thông minh.

- Thị trường điện cạnh tranh: Kết nối hệ thống đo đếm, đối soát điện từ.

- Tham gia tích cực công tác xây dựng, hoàn thiện lưới điện thông minh và thị trường điện theo đúng lộ trình của chính phủ đã phê duyệt.

## **6. Giải pháp về tăng năng suất lao động**

- Quản lý, tuyển dụng và sử dụng lao động: Chỉ thực hiện việc tuyển dụng những vị trí lao động quan trọng trên hệ thống điện và dây truyền SXKD nhằm thay thế lực lượng lao động nghỉ chế độ; thực hiện việc điều chuyển nội bộ giữa các đơn vị, sắp xếp lao động khoa học trên cơ sở định mức lao động; định biên lao động của EVN;

- Cơ cấu lại lực lượng lao động: Cơ cấu lại lực lượng lao động, dịch chuyển lao động từ khu vực SXKD điện sang khu vực dịch vụ, SXKD khác.

- Cơ cấu lại mô hình sản xuất:

+ Tách bạch chi phí, chuyển dịch một số khâu trong dây chuyền SXKD điện sang bộ phận phụ trợ (chuyển lao động, chi phí tiền lương, chi phí khác liên quan đến người lao động sang chi phí phụ trợ, không nằm trong số lượng lao động khi xác định chỉ tiêu NSLĐ);

+ Rà soát sửa đổi tập định mức lao động SXKD điện phù hợp với nhu cầu SXKD, tăng hiệu quả sử dụng lao động;

+ Đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh nhằm nâng cao năng suất lao động, nâng cao chất lượng nguồn lực lao động triển khai thực hiện hiệu quả các Đề án trong Kế hoạch SXKD giai đoạn 2016-2020 của Tổng công ty;

+ Xây dựng quy chế trả lương 3 P theo vị trí chức danh và hiệu quả công việc.

+ Đào tạo đội ngũ chuyên gia, nguồn nhân lực chất lượng cao trong công tác triển khai về thị trường điện, lưới điện thông minh, ứng dụng công nghệ trong Quản lý vận hành lưới điện, ứng dụng công nghệ thông tin trong điều hành SXKD;

+ Ứng dụng công nghệ thông tin trong triển khai thực hiện các chương trình đào tạo nội bộ và quản lý đào tạo.

- Xây dựng Đề án "Nghiên cứu, phát triển, ứng dụng công nghệ của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 vào hoạt động SXKD của EVN" của đơn vị mình, báo cáo Tập đoàn và triển khai thực hiện theo yêu cầu của Ban chỉ đạo.

## **7. Giải pháp tiết kiệm điện và sử dụng điện hiệu quả**

Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến thông tin, giáo dục, vận động cộng đồng, nâng cao nhận thức, thay đổi thói quen sử dụng điện, thúc đẩy các hoạt động sử dụng điện tiết kiệm và hiệu quả trong xã hội:

- Chủ động làm việc và ký kết với cơ quan Đài phát thanh & truyền hình, Báo chí địa phương thực hiện công tác tuyên truyền TKĐ, các giải pháp TKĐ và thông báo tình hình cung cấp điện trong năm trên các phương tiện thông tin đại chúng.

- Tổ chức các cuộc thi viết về phong trào thi đua, giới thiệu các gương điển hình, mô hình "Gia đình TKĐ", tiết kiệm năng lượng, tuyên truyền vận động TKĐ trên pano, băng rôn,... về chủ trương chính sách của Nhà nước để cộng đồng biết và cùng tham gia thực hiện TKĐ; Phát động CBCNV tham gia hưởng ứng sự kiện Giờ Trái đất; Phối hợp với các tổ chức chính trị xã hội tổ chức các phong trào thi đua TKĐ nhằm mục đích vận động toàn dân tiết kiệm trong sử dụng điện...

- Xây dựng và thực hiện các giải pháp quản lý TKĐ đối với kinh doanh dịch vụ phát động phong trào thi đua và giới thiệu các gương điển hình TKĐ trong kinh doanh dịch vụ. Tổ chức các khoá đào tạo, tập huấn về TKĐ cho các cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật, tuyên truyền viên...

- Tổ chức Hội nghị khách hàng sử dụng điện để thông báo tình hình cấp điện trong năm và tư vấn cho khách hàng xây dựng kế hoạch hành động TKĐ trong sản xuất, kinh doanh.

- Phối hợp cùng với Sở Công Thương lên kế hoạch và thực hiện công tác kiểm tra các cơ quan, đơn vị HCSN, chiếu sáng, sản xuất kinh doanh dịch vụ... thực hiện nghiêm Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh/thành phố về tiết kiệm điện.

- Duy trì hoạt động trang thông tin điện tử về chuyên đề tiết kiệm điện của Tổng công ty và các PC. Tăng cường chất lượng tin, bài, đặc biệt các nội dung tư vấn sử dụng điện tiết kiệm hiệu quả, hướng dẫn sử dụng các thiết bị tiết kiệm điện, tra cứu các thông tin về tình hình sản xuất điện và các thông tin khoa học về điện

### 8. Giải pháp hoàn thiện, đổi mới tổ chức quản lý

- Công tác đào tạo: tổ chức các khóa đào tạo cho CBCNV, cho cán bộ quản lý, các chương trình đại học, sau đại học, đào tạo chuyên gia, đạo tạo chuyên đề.

- Áp dụng các giải pháp về hoàn thiện, đổi mới tổ chức quản lý, nâng cao hiệu quả quản lý: tái cơ cấu tổ chức và sở hữu, tái cơ cấu quản trị doanh nghiệp.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Giao Ban chỉ đạo tổ chức giám sát thực hiện Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 5 năm 2016 - 2020 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 97/QĐ-EVN ngày 03/4/2018 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Điện lực Việt Nam (Ban Chỉ đạo) chỉ đạo, giám sát triển khai thực hiện Quyết định này. Giao Tổ công tác giám sát tổ chức thực hiện Đề án nâng cao hiệu quả SXKD và NSLĐ giai đoạn 2016-2020 của các Tổng công ty Điện lực miền Bắc, Tổng công ty Điện lực miền Trung, Tổng công ty Điện lực miền Nam được thành lập theo Quyết định số 115/QĐ-EVN ngày 01/6/2016 giúp Ban Chỉ đạo đôn đốc, giám sát việc tổ chức thực hiện Quyết định này, Tổ trưởng Tổ công tác quyết định thành viên thường trực và thành phần tổ công tác.

**Điều 4.** Tổng Giám đốc Tập đoàn, Chủ tịch kiêm Tổng giám đốc Tổng công ty Điện lực miền Bắc chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, phấn đấu đạt các chỉ tiêu về độ tin cậy cung cấp điện, chỉ số tiếp cận điện năng sớm hơn 1 năm so với Quyết định và giảm tổn thất không cao hơn chỉ tiêu tại Bảng 2b./.

**TM. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN  
CHỦ TỊCH**

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- HĐTV;
- Các PTGD EVN;
- KSVNN;
- Các Ban EVN;
- Lưu: VT, TH, HĐTV, KH

**SAO Y BẢN CHÍNH  
TL. TỔNG GIÁM ĐỐC  
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG  
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**



**Dương Quang Thành**



**Đoàn Văn Huy**

000  
ĐC  
C VI  
V  
T-T.

**Phụ lục 1**

**CÁC CÔNG TRÌNH 220-110KV HOÀN THÀNH GIAI ĐOẠN 2016-2020**

**Tổng công ty Điện lực Miền Bắc**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 148/QĐ-EVN ngày 23/5/2018)

STT	Danh mục dự án	Quy mô	
		Chiều dài (km)	Công suất (MVA)
<b>A</b>	<b>LƯỚI ĐIỆN 220KV</b>		
<b>I</b>	<b>Năm 2016</b>		
1	Lắp MBA AT2 TBA 220kV Phú Bình		1x250
2	TBA 220kV Vĩnh Tường và các ĐD đầu nối	2x4,5+2x5+ 7,5	250
<b>II</b>	<b>Năm 2020</b>		
3	TBA 220kV Ninh Bình 2 và các ĐD đầu nối 220kV, 110kV	2x9,5+2x1,5 +1x2,4	1x250
4	Nâng công suất TBA 220kV Vĩnh Tường		250→2x250
<b>B</b>	<b>LƯỚI ĐIỆN 110KV</b>		
<b>I</b>	<b>Năm 2016</b>		
1	Nâng công suất TBA 110kV T1 Lào Cai		25→40
2	Nâng công suất TBA 110kV T1 Mộc Sơn		16→40
3	ĐD 110kV Bắc Ninh - Quang Châu	2x14,8	
4	TBA 110kV khu công nghiệp Long Bình An	2x1,22	1x25
5	Lắp MBA T2 TBA 110kV Trảng Bạch		40
6	Nâng công suất TBA 110kV T1 Thiện Kế		25→63
7	ĐD 110kV Mường So-Phong Thổ	1x22,92	
8	Lắp MBA T2 - TBA 110kV Thanh Miện (E8.14)		1x25
9	Nâng công suất TBA 110kV T1 Thạch Linh chống quá tải mùa khô 2016		25→63
10	Nâng công suất MBA 110kV T1 TBA 220kV Hưng Đông		25→63
11	Lắp MBA T2 TBA 110kV Phù Chẩn, tỉnh Bắc Ninh		1x63
12	Lắp đặt MBA T2 TBA 110kV KCN Khánh Phú		1x25
13	Nâng công suất TBA 110kV T1 Bến Thủy		25→63
14	Lắp đặt MBA T2 trạm 110kV Sầm Sơn		25
15	Đầu nối xuất tuyến 110kV sau TBA 220kV Than Uyên	2x0,35	
16	Nâng công suất MBA T1 TBA 110kV Tĩnh Gia chống quá tải mùa khô 2016		25→63
17	Nâng công suất TBA 110kV T1 Thiệu Yên chống quá tải mùa khô 2016		25→40
18	Nâng công suất MBA T2 TBA 110kV Đồng Văn chống quá tải 2016		40→63
19	Nâng công suất TBA 110kV T2 Thịnh Đán chống quá tải mùa khô 2016		25→40
20	Nâng công suất MBA T1 và HTSD TBA 110kV Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc		25→40
21	ĐD mạch kép 110kV lộ 172&173 A37 (đoạn 10 vị trí cột từ phía NMD Ninh Bình)	2x1,56	

STT	Danh mục dự án	Quy mô	
		Chiều dài (km)	Công suất (MVA)
22	Nâng công suất TBA 110kV T1 Hòa Bình chống quá tải mùa khô 2016		25→40
23	Nâng công suất T2 TBA 110kV Long Bồi		25→40
24	ĐD và TBA 110kV Yên Bình 3	2x0,5	2x63
25	Lắp MBA T2 TBA 110kV Hậu Lộc tỉnh Thanh Hóa		1x25
26	Lắp MBA T1 TBA 110kV Quỳnh Hợp - tỉnh Nghệ An		1x16
27	Lắp đặt máy T2 - TBA 110kV Phúc Điền (E8.15)		1x63
28	TBA 110kV Nam Đình Vũ 1 và nhánh rẽ thuộc (dự án RD)		1x63
29	Thay T1 TBA 110kV Yên Thành		25
30	ĐD 110kV mạch kép TBA 500kV Nho Quan - Nho Quan	2x3	
31	ĐD 110kV và TBA 110kV Minh Đức	2x5	63
32	Lắp MBA T2 TBA 110 kV Tiên Lãng		25
33	MRNL 110kV TBA 220kV Phú Bình và đầu nối		
34	Nâng công suất TBA 110 kV Trảng Duệ		25→63
35	Lắp MBA T2 TBA 110kV Mỹ Lộc chống quá tải 2016		1x25
36	Lắp MBA T2 TBA 110 kV Tiên Lãng		25
37	ĐD và TBA 110kV Đoan Hùng	2x0,38	1x40
38	Lắp MBA T1 TBA 110kV Mộc Châu		1x16
39	Nâng cao khả năng tải ĐD 110kV Sài Đồng- Giai Phạm	2x28,73	
40	ĐD và TBA 110kV Tầng Loóng 3	2x0,15	2x63
41	ĐD 110kV cấp điện cho NMXM Long Sơn-Thanh Hóa	2x7	
42	ĐD và TBA 110kV Sông Cầu	2x0,5	1x40
43	Nâng công suất MBA T1 TBA 110kV Việt Trì		40→63
44	Nâng công suất TBA 110kV Bắc Việt Trì		40→63
45	Lắp MBA T2 TBA 110kV Giáp Khẩu (Quảng Ninh)		1x40
46	Nhánh rẽ ĐZ 110kV đầu nối với ĐZ Ninh Bình - Tam Điệp		
47	ĐD 110kV và TBA 110kV Vân Trung		40
48	Lắp MBA T2 TBA 110kV Song Khê		63
49	Cải tạo Nâng công suất TBA 110kV Thạch Tô		16→25
50	Nâng công suất TBA 110kV T1 TP Thanh Hóa		25→63
51	TBA 110kV Phú Bình và nhánh rẽ	2x4,65	1x63
52	ĐD và TBA 110kV Đồng Đăng	2x1,5	1x40
53	Lắp MBA T2 TBA 110kV Quỳnh Phụ		1x25
54	Lắp đặt MBA T2 TBA 110kV Tiên Trung		1x63
55	Nâng công suất MBA T2 TBA 110kV Võ Cường và hoàn thiện sơ đồ TBA 110kV Võ Cường, tỉnh Bắc Ninh		40→63
56	ĐD 110kV Phong Thổ-Thân Uyên mạch 2 và đầu nối sau TBA 220kV Thân Uyên	2x41,1+1x44,3	
57	Nâng công suất MBA T1 Quế Võ		40→63
<b>II</b>	<b>Năm 2017</b>		
58	Lắp MBA T2 TBA 110kV Kiến Xương chống quá tải mùa khô 2016		1x25
59	Nâng cao năng lực truyền tải ĐD 110kV Bắc Ninh - Đông Anh và nhánh rẽ Tiên Sơn	4x3,5+2x18+2x19	

STT	Danh mục dự án	Quy mô	
		Chiều dài (km)	Công suất (MVA)
60	Trạm biến áp 110kV Yên Phong 5 và nhánh rẽ	2x0,45	2x63
61	Nâng công suất MBA T1 - TBA 110kV Nghĩa An (E8.7)		40→63
62	ĐD 110kV cấp điện cho nhà máy tôn mạ và thép cán nguội thuộc Công ty CP tập đoàn Hoa Sen, KCN Đông Hồi, thị xã Hoàng Mai, Nghệ An	1x 9	
63	Chuyển đầu nối chữ T thành chuyển tiếp trên các ĐD 110kV - Giai đoạn 1	15 điểm chữ T	
64	Trạm biến áp 110kV khu công nghiệp Long Bình An (T2)		1x63
65	Lắp đặt MBA T2 TBA 110kV Nho Quan		1x25
66	Lắp MBA T2 TBA 110kV Phú Bình		40
67	Nâng cao năng lực truyền tải ĐD 110kV Hưng Đông - Bến Thủy	2x17,1	
68	Lắp MBA T2 TBA 110kV Thanh Nghị chống quá tải mùa khô 2016		1x25
69	Lắp MBA T2 TBA 110kV Lục Nam chống quá tải mùa khô 2016		1x40
70	ĐD và TBA 110kV Đại Từ	2x2,5	1x40
71	ĐD 110kV cấp điện cho trạm nghiền xi măng thuộc dự án Nhà máy xi măng Sông Lam tại xã Nghi Thiết, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An	2x 8km	
72	Nâng công suất MBA T2 và HTSD TBA 110kV Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc		25 →40
73	Lắp MBA T2 TBA 110kV Hoàng Hóa chống quá tải mùa khô 2016		1x40
74	Lắp MBA T2 TBA 110kV Phú Lương chống quá tải mùa khô 2016		1x40
75	Nâng công suất TBA 110kV Lập Thạch		25→63
76	Xuất tuyến 110kV sau TBA 220kV Bắc Ninh 3	4x2,5+ 4x5,58	
77	ĐD và trạm biến áp 110kV Hương Khê	1x37,7	1x25
78	ĐD 110kV Mường So-Phong Thổ (mạch 2)	1x22,92	
79	Nâng công suất MBA T1 TBA 110kV Tăng Loòng		40 → 63
80	Lắp đặt MBA T2 TBA 110kV Lục Yên, tỉnh Yên Bái		1x25
81	Lắp đặt MBA T2 TBA 110kV KCN Tam Điệp		1x25
82	Lắp MBA T2 TBA 110kV Trung Hà chống quá tải 2016		1x40
83	Lắp MBA T3 TBA 110kV Yên Phong 3		1x63
84	TBA 110kV Quang Châu và nhánh rẽ	2x0,095	1x40
85	Lắp đặt MBA T2 TBA 110kV Thiện Kế		1x63
86	ĐD và TBA 110kV Quế Võ 4	2x0,5	1x63
87	Nâng công suất MBA T2 TBA 110kV Yên Bái		40→63
88	Mở rộng thanh cái phía 110 kV tại TBA 220 kV Đình Vũ đầu nối lưới điện cấp cho khu công nghiệp Nam Đình Vũ		
89	TBA 110kV Nam Đình Vũ và nhánh rẽ thuộc (dự án RD)	2x4,2	63
90	Lắp MBA T1 TBA 110kV Cẩm Phả 2 chống quá tải 2016		1x40
91	Nâng công suất MBA T1 TBA 110kV Phố Cao		25→40
92	Lắp MBA T2 TBA 110kV Cầu Gò chống quá tải 2016		1x40
93	Nâng công suất MBA T1 TBA 110kV Long Bối		25→63

STT	Danh mục dự án	Quy mô	
		Chiều dài (km)	Công suất (MVA)
94	Nâng công suất MBA T2 TBA 110kV Nông Cống		25→40
95	Nâng công suất MBA T2 TBA 110kV Tuyên Quang		25→40
96	Lắp MBA T2 TBA 110kV Tiên Yên chống quá tải 2016		1x16
97	Nâng công suất MBA T3 TBA 110kV Việt Trì		25→63
98	Nâng công suất MBA T1 TBA 110kV Thái Thụy		25→63
99	Nâng công suất MBA T2 TBA 110kV Lý Nhân		25→40
100	Lắp MBA T2 TBA 110kV Lạng Giang chống quá tải 2016		1x40
101	ĐD 110kV nhà máy điện Thái Bình-Thái Thụy	4x2+3x1,7+ 2x7,9	
102	Nâng công suất MBA T1 TBA 110kV Trình Xuyên		25 → 63
103	Nâng công suất MBA T2 TBA 110kV Thái Bình		40→63
104	Nâng công suất MBA T1 TBA 110kV Quảng Uyên		1x16
105	Nâng công suất MBA T1 TBA 110kV Nam Ninh (giá thành)		25→40
106	Lắp đặt MBA T2 TBA 110kV Vĩnh Yên 2		1x63
107	ĐD và TBA 110kV Yên Định	2x0,5	1x40
108	Lắp MBA T3 TBA 110kV Tầng Loóng 2 chống quá tải mùa khô 2016		1x63
109	Nâng cao năng lực truyền tải ĐD 110kV lộ 175 TBA 220kV Ninh Bình - TBA 110kV Xi măng Thành Thắng (XM Thanh Liêm)	1x23	
110	Lắp MBA T2 TBA 110kV Hội Hợp chống quá tải mùa khô 2016		1x63
111	Nâng công suất MBA T2 TBA 110kV Bắc Cạn		16→25
112	Lắp MBA T2 TBA 110kV Kỳ Anh chống quá tải mùa khô 2016		1x25
113	Lắp MBA T2 TBA 110kV Sông Công chống quá tải mùa khô 2016		1x40
114	Nâng công suất MBA T2 TBA 110kV Cẩm Phả		1x40
115	Lắp MBA T2 TBA 110kV Ninh Dân chống quá tải mùa khô 2016		1x25
116	Nâng công suất MBA T1 TBA 110kV Diễn Châu (giá thành)		16→40
117	Nâng công suất MBA T1 TBA 110kV Quảng Hà (giá thành)		16→25
118	Lắp MBA T2 TBA 110kV Gia Lương chống quá tải mùa khô 2016		1x40
119	ĐD và TBA 110kV Minh Hải	2x1,2	63
120	Nâng công suất MBA T1 trạm 110kV Lai Khê (E8.6)		40→63
121	Nâng cao năng lực truyền tải ĐD 110kV lộ 171 TBA 220kV Đô Lương - 110kV Đô Lương	1x6,69	
122	Lắp đặt MBA T2 TBA 110kV Trảng Bạch		1x40
123	Lắp MBA T2 TBA 110kV Châu Sơn		1x63
124	Nâng công suất trạm 110kV Chí Linh (Lắp MBA T2 TBA 110kV Chí Linh)		1x40
125	ĐD 110kV Phong Thổ-Thân Uyên mạch 2 và đấu nối sau TBA 220kV Thân Uyên (GD2)	2x41,13+ 1x44,26	
126	ĐD 110kV Vĩnh Yên - Vĩnh Yên 2	2x2	
127	Nâng công suất MBA T1 và T2 TBA 110kV Kiến An		2x25→2x63

STT	Danh mục dự án	Quy mô	
		Chiều dài (km)	Công suất (MVA)
128	Trạm biến áp 110kV Gò Trầu và nhánh rẽ	2x2,1	1x25
129	ĐD 110kV Séo Chong Hồ - Nậm Tóng - Sừ Pán	2x3,38	
130	Trạm biến áp 110kV Quế Võ 3 và nhánh rẽ	2x2,5	1x63
<b>III</b>	<b>Năm 2018</b>		
131	Đầu nối 110kV sau TBA 500kV Lai Châu	2x3+1x3,5	
132	ĐD và TBA 110kV Tam Nông	2x0,2	1x25
133	ĐD và TBA 110 kV TT An Lão	2x0,65	1x63
134	Lắp MBA T3, T4 TBA 110kV Tầng Lồng 3		2x63
135	Nâng cao năng lực truyền tải ĐD 110kV lộ 172 TBA 220kV Ninh Bình - Trình Xuyên	1x21,95	
136	ĐD 110kV Sông Chùng - Sông Cháy và TBA 110kV Sông Cháy	1x42,9	1x25
137	Hoàn thiện sơ đồ các TBA 110kV của NPC – giai đoạn 3 - Khu vực 1		15 TBA
138	Hoàn thiện sơ đồ các TBA 110kV của NPC – giai đoạn 3 - Khu vực 2		19 TBA
139	Trạm biến áp 110kV HANAKA và nhánh rẽ	2x 0,64	1x63
140	Xây dựng ĐD 110kV LG Display	2x3,68	
141	Xây dựng TBA 110kV LG Display		1x63
142	Nâng công suất MBA T2 TBA 110kV Lục Ngạn		25→40
143	Lắp đặt MBA T1 trạm 110kV Đại An (E8.11)		1x63
144	Đầu nối 110kV sau TBA 220kV Phú Thọ	4x1,0	
145	ĐD và TBA 110kV Kỳ Sơn, Hoà Bình	2x1,15	1x25
146	Hoàn thiện sơ đồ các TBA 110kV của NPC - giai đoạn 2		13 TBA
147	ĐD 110kV cấp điện cho N/M sản xuất Ethanol	2x6,38	
148	Trạm biến áp 110kV Nguyên Giáp và nhánh rẽ	2x1,72	1x40
149	ĐD và TBA 110kV Bắc Á huyện Nghĩa Đàn tỉnh Nghệ An	2x12,82	1x25
150	Xóa bỏ điểm đấu chữ T ĐD 171, 172 E8.13 và hoàn thiện sơ đồ trạm 110kV Ngọc Sơn (E8.13)	1x5,72	
151	Cải tạo xóa điểm đấu nối chữ T và hoàn thiện sơ đồ trạm - lưới điện 110kV Ninh Bình	Xóa 7 điểm chữ T+XT 220kV Nho Quan	
152	ĐD 110kV TBA Cẩm Phả-TBA Cẩm Phả 2	2x10,2	
153	Đầu nối 110kV sau TBA 220kV Trảng Bạch	4x4	
154	Xuất tuyến 110kV sau TBA 220kV Nông Cống	4x2+7,5x2	
155	Xuất tuyến 110kV sau TBA 220kV Lưu Xá	4x3,52+ 2x6,38	
156	ĐD 110kV nhà máy điện Thái Bình-Thái Thụy	4x2+3x1,7+2x7,0	
157	Đầu nối 110kV sau TBA 220kV Trục Ninh	4x4,5+14,5	
158	ĐD 110kV và TBA 110kV Tân Quang - Hưng Yên	2x5	1x63
159	Lắp MBA T2 TBA 110kV Yên Mỹ		1x63
160	Lắp MBA T2 TBA 110kV Hưng Yên		1x63
161	Lắp MBA T2 TBA 110kV Ý Yên		1x40
162	Lắp đặt MBA T2 TBA 110kV Nam Đàn		40
163	Lắp MBA T2 TBA 110kV Lưu Xá		40
164	ĐD 110kV cấp điện TBA 110kV KCN Thăng Long III	2x2	

STT	Danh mục dự án	Quy mô	
		Chiều dài (km)	Công suất (MVA)
165	ĐD và TBA 110kV Yên Bái 2		1 x25
166	ĐD 110kV cấp điện cho TBA 110kV Yên Bái 2 và TBA 110kV Cửu Long Vinashin	2 x 7,6	
167	ĐD và TBA 110kV Văn Giang 2	1x1,5	1x63
168	Nâng công suất MBA T1 TBA 110kV Đô Lương		25→40
169	Chuyển đầu nối chữ T thành chuyển tiếp trên các ĐD 110kV - giai đoạn 2 - khu vực 2	6 điểm chữ T	
170	Xây dựng nhánh rẽ ĐD 110kV và TBA Thép Việt Nhật		
171	ĐD và TBA 110KV Sa Pa, tỉnh Lào Cai	2x1,4	1x25
172	Cải tạo và hoàn thiện sơ đồ TBA 110kV Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh		
173	ĐD 110kV Nghĩa Lộ - Ba Khe - Cẩm Khê	1x79	
174	ĐD và TBA 110kV Hưng Nguyên	2x1,0	1x40
175	ĐD và TBA 110kV Đồng Văn 3	2x5+1x11,8	1x63
176	ĐD và TBA 110kV Hàm Yên	2x1,5	1x25
177	Chuyển đầu nối chữ T thành chuyển tiếp trên các ĐD 110kV - giai đoạn 2 - khu vực 1	04 điểm chữ T 54,3km	
178	Trạm biến áp 110kV Quán Trữ và nhánh rẽ	2x0,18	1x63
179	ĐD 110kV Sơn Tây - Yên Mao - Phố Vàng		
180	Lắp MBA T2 TBA 110kV Cẩm Khê		1x40
181	Lắp MBA T2 TBA 110kV Quang Châu		1x63
182	Lắp MBA T3, T4 TBA 110kV Yên Phong 5		2x63
183	Nâng cao khả năng truyền tải ĐD 110kV nhánh rẽ Võ Cường	1x0,8 +1,9	
184	Nâng cao khả năng truyền tải ĐD 110kV Bảo Thắng - Tầng Loỏng	1x1,1	
185	Lắp MBA T3 TBA 110kV Gò Đầm		63
186	Lắp đặt MBA T1 TBA 110kV Bá Thước		25
187	Nâng công suất MBA T1 TBA 110kV Hậu Lộc		16→40
188	Xuất tuyến 110kV sau TBA 220kV Quỳnh Lưu	4x3,5+2x30	
189	Nâng cao năng lực truyền tải ĐD 110kV lộ 172,173 TBA 220kV Nam Định	1x46	
190	ĐD 110kV và TBA 110kV Ngọc Linh	2x6,15	1x25
191	Xóa đầu nối chữ T chuyển đầu nối transit các TBA 110kV	12 điểm chữ T	
192	Chuyển đầu nối chữ T thành chuyển tiếp trên các ĐD 110kV - giai đoạn 3	16 điểm chữ T	
193	Xuất tuyến 110kV sau TBA 220kV Quang Châu	2x5,5	
194	ĐD và TBA 110kV Cẩm Xuyên	2x0,3	1x40
195	Lắp MBA T2 TBA 110kV Yên Thành		25
196	ĐD và TBA 110kV thành phố Bắc Ninh	2x1,5	1x63
197	ĐD và TBA 110kV Nghi Xuân	2x8	1x40
198	Xuất tuyến 110kV sau TBA 220kV Thủy Nguyên	4x1	
199	Xuất tuyến 110kV sau TBA 220kV Lạng Sơn	4x11,5+2x4,7 +2,1	
200	TBA 110kV Ba Khe và nhánh rẽ	2x0,26	1x25
201	Lắp MBA T2 TBA 110kV Bắc Quang, tỉnh Hà Giang		1x25

STT	Danh mục dự án	Quy mô	
		Chiều dài (km)	Công suất (MVA)
202	Xóa bỏ điểm đầu chữ T ĐD 171, 172 E8.5 và hoàn thiện sơ đồ trạm 110kV Chí Linh (E8.5)	2x1,0 + Xóa chữ T	
203	Xóa bỏ điểm đầu chữ T ĐD 171, 172 E8.10 và hoàn thiện sơ đồ trạm 110kV Nhị Chiểu (E8.10)	1x0,2 + Xóa chữ T	
204	Cải tạo ĐD 110kV Quỳnh Lưu - Quỳnh Hợp	2x58,8	
205	Nâng cao năng lực truyền tải ĐD 110kV Ninh Bình - Phú Lý	1x48,92	
206	Nâng cao năng lực truyền tải ĐD 110kV Việt Trì - Bãi Bằng	7,38	
207	Hoàn thiện sơ đồ 07 TBA 110kV khu vực nội thành		
208	Hoàn thiện sơ đồ 10 TBA 110kV khu vực ngoại thành		
209	Treo dây mạch 2 ĐD 110kV Quỳnh Lưu-Diễn Châu-Cửa Lò-Hung Đông	1 x 63	
<b>IV</b>	<b>Năm 2019</b>		
210	ĐD và 110kV Yên Dũng	2 x 7,33	1x40
211	Trạm biến áp 110kV Hợp Thịnh và nhánh rẽ	2x1,0	1x63
212	ĐD và TBA 110kV Tân Yên	1x45,44	1x40
213	ĐD 110kV Bắc Giang - Lục Nam (mạch 2)	1x21,1	
214	ĐD và TBA 110kV Lục Ngạn 2	2x4,1	1x40
215	ĐD và TBA 110kV Nam Thành Phố	2x1,1	1x40
216	ĐD và TBA 110kV Sơn Động	1x24,1	1x25
217	Lắp MBA T2 TBA 110kV Vân Trung		63
218	ĐD 110kV từ TBA 220kV Sơn Động - Sơn Động	2x25	
219	Nâng cao khả năng truyền tải ĐD 110kV từ TBA 220kV Bắc Ninh - VT76 và các nhánh rẽ	2x16,5	
220	TBA 110kV Nam Sơn - Hạp Lĩnh và nhánh rẽ	2x3,11	1x63
221	Trạm biến áp 110kV Yên Phong 4 và nhánh rẽ	2x0,5	1x63
222	ĐD 110kV từ TBA 220kV Bắc Ninh 2 - VT75	2x13,1	
223	ĐD và TBA 110kV Thuận Thành 2	2 x 0,5	1x63
224	ĐD và TBA 110kV Đại Đồng - Hoàn Sơn	2x 2,0	1x63
225	Lắp đặt MBA T5 TBA 110kV Yên Phong 5		1x63
226	Lắp đặt MBA T4 TBA 110kV Yên Phong 3		1x63
227	Đầu nối 110kV sau TBA 220kV Thanh Nghị	2x14+ 4x2,5	
228	ĐD và TBA 110kV Bình Lục	2x2,9	1x40
229	ĐZ và TBA 110kV Kim Bảng	2x0,20	1x63
230	ĐZ và TBA 110kV Hòa Mạc	2x5	1x40
231	ĐD và TBA 110kV Đồng Văn 4	2x4,5	1x63
232	Lắp MBA T3 TBA 110kV Đồng Văn		1x63
233	Nâng công suất MBA T1 TBA 110kV Phú Lý		40→63
234	ĐD và TBA 110kV Hồng Lĩnh	2x6,4	1x40
235	Treo dây mạch 2 ĐD 110kV Tiên Trung - Lai Khê, tỉnh Hải Dương	1x6,5	
236	Treo dây mạch 2 ĐD 110kV - TBA 110kV Nghĩa An, tỉnh Hải Dương	1x11,3	
237	Nâng công suất MBA T2 trạm 110kV Ngọc Sơn (E8.13)		25→63
238	Nâng công suất MBA T2 trạm 110kV Thanh Miện (E8.14)		25→63

STT	Danh mục dự án	Quy mô	
		Chiều dài (km)	Công suất (MVA)
239	Cải tạo, nâng cấp hệ thống thiết bị các TBA 110kV Chí Linh (E8.5) và Đông Niên (E8.1)		
240	Lắp đặt MBA T3 TBA 110kV Nhị Chiểu		1x63
241	Lắp đặt MBA T2 TBA 110kV Nghĩa An (E8.7)		1x40
242	Nâng công suất và cải tạo trạm 110kV Đông Niên (E8.1)		25→40
243	ĐD và TBA 110kV Cẩm Điền	2x 1,0	2x40
244	Hoàn thiện sơ đồ 07 TBA 110kV khu vực nội thành		07 TBA
245	Hoàn thiện sơ đồ 10 TBA 110kV khu vực ngoại thành		10 TBA
246	Lắp đặt MBA T1 TBA 110kV Cửa Cấm (Nâng công suất T1 25-63MVA)		1x63
247	Nâng công suất MBA T1 TBA 110kV Lạch Tray		25→63
248	Cải tạo ĐD 110kV An Lạc - Tràng Bạch, Ưng Bí	2x19,6	
249	ĐD và TBA 110kV Lưu Kiếm	2x7,68	1x63
250	Xây dựng ĐD 110kV cấp điện TBA 110kV Xi măng Liên Khê	2x1,5	
251	Đầu tư mới ngăn lộ 110kV tại TBA 220kV Đình Vũ cấp điện cho kính Flat		
252	Lắp đặt MBA T2 TBA 110kV Lương Sơn		1x25
253	Lắp đặt MBA T2 TBA 110kV Thanh Nông		1x25
254	Nâng cao khả năng truyền tải ĐZ 110 kV nhánh rẽ TBA 110 kV Hưng Yên	2x8,8	
255	ĐD và TBA 110kV Bãi Sậy	2x10,82	1x63
256	ĐD và trạm biến áp 110kV Như Quỳnh	2x 1,0	1x63
257	Lắp MBA T2 TBA 110kV Minh Đức		1x63
258	ĐD 110kV 4 mạch sau TBA 500kV Phố Nối, tỉnh Hưng Yên	4x8,5	
259	Lắp kháng điện bù ngang tại TBA 110kV Lai Châu		
260	ĐD và TBA 110kV Hữu Lũng	2 x 1,8	1x40
261	ĐD và TBA 110 kV Bảo Yên	2x1,0	1x25
262	Nâng công suất MBA T2 TBA 110kV Lào Cai		1x40 → 63 (Δ/Δ)
263	Nâng công suất MBA T2 TBA 110kV Hải Hậu		25→40
264	Nâng công suất MBA T2 TBA 110kV Trực Ninh		25→40
265	Cải tạo ĐD 110kV Nam Định - Trình Xuyên	2x(3,1+5,56)	
266	Lắp MBA T2 TBA 110kV Hoàng Mai		40
267	Giám sát, điều khiển từ xa trạm 110kV Kim Sơn		
268	Cải tạo xóa điểm đấu nối chữ T và hoàn thiện sơ đồ trạm - lưới điện 110kV lộ 180-181 E23.1		
269	ĐD và TBA 110kV Thụy Vân	2x2,1	1x63
270	ĐD và TBA 110kV Việt Trì 2	2x0,035	1x63
271	Nâng công suất MBA T1 TBA 110kV Phú Thọ		25→40
272	Nâng công suất MBA T1 TBA 110kV Phố Vàng		16→40
273	Cải tạo ĐD 110kV 173 Hải Hà - 171 Quảng Hà	1x7,5	
274	Xuất tuyến 110kV sau TBA 220kV Yên Hưng	4x4	
275	TBA 110kV Hùng Thắng và nhánh rẽ	2x1,2	1x63
276	Lắp đặt MBA T2 TBA 110kV Ưng Bí 2		1x63
277	Nâng công suất MBA T2 TBA 110kV Móng Cái		25→40

STT	Danh mục dự án	Quy mô	
		Chiều dài (km)	Công suất (MVA)
278	Nâng công suất MBA T2 TBA 110kV Sơn La		25→40 (đ/c)
279	Lắp đặt MBA T2 TBA 110kV Tiên Hải		1x63
280	Nâng cao khả năng truyền tải ĐD 110kV từ TBA 220kV Thái Bình - TBA 110kV Thái Bình	1x15	
281	Cải tạo ĐZ 172E3.3-171A36 Long Bối - Tiên Hải, Thái Bình	Thay cột BTLT bằng cột thép	
282	ĐD 110kV nhà máy điện Thái Bình-Tiên Hải	2x17,12	
283	Trạm biến áp 110kV Thành phố 2 và nhánh rẽ	2x0,5	2x40
284	Nâng công suất MBA T2 TBA 110kV Vũ Thư		25→40
285	Lắp đặt MBA T3 TBA 110kV Phú Bình		63
286	Nâng công suất MBA T1 TBA 110kV Phú Bình		40→63
287	Nâng công suất MBA T1 TBA 110kV Thịnh Đán		40→63
288	Lắp MBA T3 TBA 110kV Yên Bình 3		63
289	ĐD và TBA 110kV Tĩnh Gia 2	2x13+ 4x1,24	1x40
290	ĐD và TBA 110kV Tây Thành phố	2x0,27	1x40
291	ĐD và TBA 110kV Cẩm Thủy	2x4,08	1x40
292	ĐD 110kV từ TBA 220kV Nghi Sơn - TBA 110kV Huyện Kim 1	2x10,5	
293	Lắp đặt MBA T2 TBA 110kV Bim Sơn		63
294	ĐD 110kV Tuyên Quang - Sơn Dương	2x25	
295	Lắp đặt MBA T2 TBA 110kV Sơn Dương		25 (đ/c)
296	ĐD và TBA 110kV KCN Khai Quang	2x8,23	2x63
297	Đầu nối 110kV sau TBA 220kV Bá Thiện	4x3+ 2x4	
298	Nâng cao khả năng truyền tải ĐZ 110kV Vĩnh Yên - Phúc Yên	2x15,62	
299	Lắp đặt MBA T4 TBA 220kV Vĩnh Tường		1x63
300	ĐD và TBA 110kV Văn Yên	2x10,98	1x40
301	Xuất tuyến 110kV sau TBA 220kV Nghĩa Lộ	2x0,5+2x0,7	
302	ĐD và TBA 110kV Bảo Hưng	2x0,2	1x63
303	Xuất tuyến 110kV sau TBA 220kV Bắc Cạn	2x1,5+24,5	
304	ĐD 110kV Mường Lay - Điện Biên	2 x 65	25
305	ĐD 110kV từ TBA 220kV Thủy điện Lai Châu - Mường Lay	2x19	
306	ĐD 110kV đầu nối NMTĐ Pắc Ma và Nậm Cùm 4	2x50 +2x36	25
V	<b>Năm 2020</b>		
307	ĐZ 110kV và TBA 110kV cấp điện cho KCN Thanh Bình - Bắc Cạn	2x1,5	1x25
308	ĐD 110kV và TBA 110kV Đa Mai	2x4,5	1x40
309	Nâng cao khả năng truyền tải ĐD 110kV từ TBA 220kV Bắc Ninh - NĐ Phả Lại	2x17,6	
310	ĐD và TBA 110kV Tân Chi	2x1,0	1x63
311	ĐD và TBA 110kV Bảo Lâm	2x 20	1x25
312	Xuất tuyến 110kV sau TBA 220kV Bắc Quang	2x8,5	
313	Cải tạo ĐD 110kV từ TBA 220kV Hưng Đông - Can Lộc và Hưng Đông - Linh Cảm	32+25	

STT	Danh mục dự án	Quy mô	
		Chiều dài (km)	Công suất (MVA)
314	Trạm biến áp 110kV Thanh Hà và nhánh rẽ	2x22	1x40
315	ĐD và TBA 110kV Nam Sách	4x1,0	1x63
316	Lắp đặt MBA T2 TBA 110kV Cát Hải		1x63
317	Nâng công suất TBA 110kV Thủy Nguyên 1 và Thủy Nguyên 2		2x40→2x63
318	Trạm biến áp 110kV khu đô thị Xi Măng và nhánh rẽ	2x0,65	1x63
319	Nâng công suất MBA T1 và T2 TBA 110kV Vĩnh Bảo		(25+40) →2x63
320	Nâng công suất MBA T1 và T2 TBA 110kV Đồ Sơn		2x25→40
321	ĐD 110kV mạch 2 khoảng vượt Lạch Huyện	1x19,5	
322	Xây dựng mạch hai ĐD 110kV Chợ Rộc – Cát Bà	1x20,8	
323	Xây dựng mạch hai ĐD 110kV và TBA 110kV Cát Bà	1x0,5	1x40
324	Cải tạo ĐD 110kV Đồng Hòa - Đồ Sơn	1x24,8	
325	Cải tạo nhánh rẽ ĐD 110kV TBA 110kV Cửa Cấm	2x3,3	
326	ĐD 110kV cấp điện cho Khu công nghiệp An Dương	2x1,7	
327	Nâng công suất MBA T1 TBA 110kV An Lạc		25-x63
328	Nâng công suất T1 TBA 110kV KCN HP-96 (Đồ Sơn - Hải Phòng)		25→63
329	Đầu nối 110kV sau TBA 220kV Dương Kinh	4x9,35	
330	ĐD và TBA 110kV Yên Mỹ 2	2x1,0	1x63
331	Lắp MBA T2 TBA 110kV Văn Giang		1x63
332	ĐD và TBA 110kV Bình Gia	1x56,5	1x40
333	ĐD và TBA 110kV Lộc Bình (Na Dương)	2x1	1x40
334	Lắp MBA T2 TBA 110kV Sa Pa		1x25
335	ĐD và TBA 110kV Trục Đại	4x6,3 + 2x5,7	1x63
336	ĐD và TBA 110kV Yên Thắng	2x6,5	1x40
337	ĐD và TBA 110kV Liễu Đề	1x5,5	1x40
338	ĐD và TBA 110kV Nam Cấm	2x2,5	1x40
339	ĐD và TBA 110kV Tân Kỳ	2x27	1x40
340	Trạm biến áp 110kV Nghi Ân và nhánh rẽ	2x1,0	1x40
341	Xuất tuyến 110kV sau TBA 220kV Tương Dương	2x5,5	
342	ĐD và TBA 110kV Yên Mô	2 x 8,6	1x40
343	Cải tạo ĐD 110kV Ninh Bình - Hướng Dương (XM Tam Điệp)	2 x 30	
344	ĐD 110kV Kim Sơn-Nghĩa Hưng	1 x 15	
345	Lắp đặt MBA T2 TBA 110kV Gián Khẩu		1x40
346	Nâng cấp cải tạo ĐD 110kV Ninh Bình - Bim Sơn	2x30,6	
347	ĐD và TBA 110kV Hạ Hòa	2x18	1x40
348	ĐD và TBA 110kV Cẩm Khê 2	2x8,0+1x14	1x40
349	ĐD và TBA 110kV Cao Thắng	2x9,0 + 2x1,0	1x63
350	ĐD và TBA 110kV Hoàn Bò	2x2	1x63
351	ĐD và TBA 110kV Yên Cư	2x15	1x63
352	Cải tạo ĐD 110kV Tiên Yên - Mông Dương	2x3	1x40
		2x35,68	

STT	Danh mục dự án	Quy mô	
		Chiều dài (km)	Công suất (MVA)
353	Cải tạo ĐD 110kV 173, 174 T500 Quảng Ninh - Giáp Khẩu - Hà Lâm - Hà Tu	2x24,3	
354	ĐD và TBA 110kV Vân Đồn 2	2x9,6	1x40
355	ĐD và TBA 110kV Nam Hòa (TBA nối cấp TBA 220kV)	4x2,0	1x40
356	Trạm biến áp 110kV KCN Đông Mai và nhánh rẽ	2x0,5	1x25 (40)
357	ĐD và TBA 110kV Mai Sơn	2x7,08	1x40
358	Trạm biến áp 110kV Sông Công 2 và nhánh rẽ	2x0,5	63
359	Trạm biến áp Yên Bình 4 và nhánh rẽ	2x8,2	63
360	Trạm biến áp Yên Bình 5 và nhánh rẽ	2x0,5	63
361	ĐD và TBA 110kV Quảng Xương	1 x 40	1x40
362	Nâng cao khả năng truyền tải ĐD 110kV từ TBA 220kV Ba Chè - Thiệu Yên	2x21,9	
363	ĐD và TBA 110kV Bãi Trành	2x32	1x40
364	ĐD và TBA 110kV Nga Sơn	2x20	1x40
365	ĐD và TBA 110kV Thạch Thành	2x1,5	1x25
366	ĐD 110kV Quảng Xương - Sầm Sơn	2x14	
367	ĐD 110kV từ TBA KTT 220kV Nghi Sơn - TBA 110kV Luyện Kim 2	4x5,5	
368	ĐD 110kV Thanh Sơn - Cẩm Thủy	1x20	
369	ĐD và TBA 110kV Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc	2x13,8	1x40
370	ĐD và TBA 110kV Yên Lạc	2x5,5	2x40

